

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thị Nhâm

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG
TIỀN TẠI XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HẠ LONG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Bùi Thị Nhâm**

Giảng viên hướng dẫn: **Th.S Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Nhân

Mã SV: 120953

Lớp: QT 1206K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Bùi Thị Nhâm

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp - NXB Thống Kê năm 2010
 - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
 - Quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ và sơ đồ kế toán
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
3. Các thông tư hướng dẫn việc thực hiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam
4. Giáo trình kế toán tài chính
5. Số liệu phòng kế toán - Xí nghiệp xây dựng Hạ Long
6. Website : www.fast.com.vn
www.misa.com.vn
www.bravo.com.vn

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN CỦA DOANH NGHIỆP	2
1.1 Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp	2
1.1.1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền.....	2
1.1.2. Đặc điểm và nhiệm vụ của vốn bằng tiền	3
1.1.2.1. Đặc điểm của vốn bằng tiền	3
1.1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.....	4
1.1.3. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền	5
1.2 Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ	7
1.2.1 Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại quỹ	7
1.2.2. Chứng từ sử dụng	8
1.2.3 Tài khoản sử dụng	10
1.2.4. Phương pháp hạch toán	11
1.3. Tổ chức kế toán tiền gửi Ngân hàng	15
1.3.1. Một số quy định trong việc hạch toán tiền gửi Ngân hàng.....	15
1.3.2. Chứng từ sử dụng	16
1.3.3. Tài khoản sử dụng.....	16
1.3.4. Phương pháp hạch toán	17
1.4. Tổ chức kế toán tiền đang chuyển.....	20

1.4.1. Nội dung chủ yếu của kế toán tiền đang chuyển	20
1.4.2. Chứng từ sử dụng	20
1.4.3. Tài khoản sử dụng	21
1.4.4. Phương pháp hạch toán	22
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HẠ LONG	23
2.1. Khái quát chung về Xí nghiệp xây dựng Hạ Long	23
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp xây dựng Hạ Long.....	23
2.1.2. Đặc điểm ngành nghề sản xuất kinh doanh.....	25
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý Xí nghiệp.....	27
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long	28
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán	28
2.1.4.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán	29
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Xí nghiệp	29
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán tại Xí nghiệp.....	32
2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long.....	32
2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ	32
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng	33
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng	34
2.2.1.3 Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Xí nghiệp	34
2.2.1.4. Một số ví dụ minh họa	36

2.2.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng	46
2.2.2.1. Chứng từ kế toán tiền gửi ngân hàng	46
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng	46
2.2.2.3. Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng.....	46
2.2.2.4. Một số ví dụ minh họa	50

CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI XÍ NGHIỆP XD HẠ LONG.....58

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long.....	58
3.1.1. Ưu điểm về công tác kế toán vốn bằng tiền.....	59
3.1.2. Hạn chế về công tác kế toán vốn bằng tiền.....	61
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long.....	62
3.2.1. Giải pháp 1: Hiện đại hóa công tác kế toán tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long	62
3.2.2. Giải pháp 2: Hoàn thiện việc quản lý quỹ và kiểm kê quỹ định kỳ.....	70
3.2.3. Giải pháp 3: Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ.....	73
3.2.4. Giải pháp 4: Hoàn thiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.....	73
3.2.5. Giải pháp 5: Một số giải pháp khác	76
KẾT LUẬN	78

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận thực tiễn, các số liệu cần tính toán và bản vẽ):

– Khái quát hoá được những lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong Doanh nghiệp.

– Phản ánh được thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Xây Dựng Hạ Long.

– Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Xây Dựng Hạ Long, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán:

Sử dụng số liệu năm 2011.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

Xí nghiệp Xây Dựng Hạ Long.

LỜI MỞ ĐẦU

Trong các doanh nghiệp nói chung và trong doanh nghiệp sản xuất nói riêng, vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành, tồn tại, và là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình hoạt động sản xuất của mình. Vì vậy, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn, rất phức tạp, đồng thời là công cụ không thể thiếu trong quản lý kinh tế của Nhà nước và doanh nghiệp.

Nắm bắt được vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long, được sự hướng dẫn trực tiếp của Th.s Nguyễn Thị Mai Linh và các cán bộ trong phòng kế toán em đã đi sâu nghiên cứu tìm hiểu về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp, và mạnh dạn chọn đề tài "**Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long**" làm đề tài khoá luận của mình.

Nội dung của khoá luận ngoài Lời mở đầu và Kết luận, gồm 3 chương chính:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long.

Do thời gian và trình độ có hạn nên bài khoá luận của em chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, vì vậy em rất mong nhận được sự góp ý của thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Hải Phòng, ngày....tháng....năm 2012

Sinh viên

Bùi Thị Nhâm

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

1.1.1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền:

Trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, bất kỳ doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần một lượng vốn nhất định, trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh của doanh nghiệp, dùng nó vào việc mua sắm tài sản cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, mỗi giai đoạn vận động vốn không ngừng biến đổi về cả hình thái biểu hiện lẫn quy mô. Quá trình vận động liên tục của vốn kinh doanh theo chu kỳ T-H-T, trong quá trình đó luôn có một bộ phận dừng lại ở trạng thái tiền tệ, bộ phận này gọi là vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là toàn bộ các hình thức tiền tệ hiện thực, là một bộ phận của tài sản lưu động tồn tại trực tiếp dưới hình thái giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán, mua sắm hoặc chi phí sản xuất của doanh nghiệp, nhằm đảm bảo cho quá trình tái sản xuất của doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên và liên tục.

– Theo hình thức tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

+ *Tiền Việt Nam*: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Ngoại tệ*: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị

trường Việt Nam như các đồng: Đô la Mỹ (USD), bảng Anh (GBP), mác Đức (DM), Yên Nhật (JPY)...

+ *Vàng bạc, kim khí quý, đá quý*: Là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

– Nếu phân loại theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:

+ *Tiền tại quỹ*: Gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hằng ngày trong sản xuất kinh doanh.

+ *Tiền gửi Ngân hàng*: Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản Ngân hàng.

+ *Tiền đang chuyển*: Là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.2. Đặc điểm và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:

1.1.2.1. Đặc điểm của vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận. Vì vậy trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi việc bị lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước.

Do vậy, việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý chặt chẽ và kế hoạch đảm bảo tốt các yêu cầu sau:

- Tách biệt nhiệm vụ giữ tiền mặt với việc giữ các sổ sách kế toán - những nhân viên giữ tiền mặt không được tiếp cận với sổ sách kế toán và các nhân viên kế toán không được giữ tiền mặt.
- Lập các bản danh sách ghi hoá đơn thu tiền mặt tại thời điểm và nơi nhận tiền mặt.
- Thực hiện thanh toán bằng séc, chỉ nên dùng tiền mặt chi tiêu cho các khoản lặt vặt, không được chi trả tiền mặt thay cho việc chi trả séc.
- Trước khi phát hành một tờ séc để thanh toán, phải kiểm tra số lượng và giá trị các khoản chi tránh việc phát hành séc quá số dư.
- Tách chức năng duyệt chi khỏi chức năng ký séc.

1.1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh kịp thời tình hình thu, chi, tồn quỹ vốn bằng tiền và tình hình chấp hành mức tồn quỹ tiền mặt. Thường xuyên đối chiếu tiền mặt tồn quỹ thực tế với sổ sách. Kiểm tra giám sát chặt chẽ việc chấp hành chế độ thu chi và quản lý nghiêm ngặt việc sử dụng các loại vốn bằng tiền.
- Phản ánh tình hình tăng, giảm và số dư tài khoản ngân hàng, hằng ngày giám đốc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.
- Phản ánh các khoản tiền đang chuyển kịp thời, phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp kịp thời thích hợp giải phóng tiền đang chuyển.
- Phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình các loại vàng bạc, kim khí, đá quý, ngoại tệ.
- Giám sát việc chấp hành chế độ quy định về quản lý các loại vốn bằng tiền, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm và hiệu quả cao.
- Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ thủ tục hạch toán vốn bằng tiền.

1.1.3. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền:

Kế toán vốn bằng tiền phải tuân thủ những nguyên tắc sau đây:

– Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

– Đối với vàng bạc kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

– Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất, và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá trị thực tế (giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán). Khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, có thể áp dụng một trong 04 phương pháp xuất kho sau:

+ Bình quân gia quyền.

+ Nhập sau - xuất trước.

+ Nhập trước - xuất trước.

+ Giá thực tế đích danh.

Tuy nhiên, do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý là loại tài sản có giá trị lớn và mang tính tách biệt nên phương pháp thực tế đích danh thường được sử dụng. Nếu có chênh lệch giữa giá xuất bán và giá thanh toán ở thời điểm phát sinh nghiệp vụ thì được phản ánh vào TK 515, hoặc TK 635.

– Trường hợp kế toán vốn bằng tiền liên quan tới ngoại tệ: Theo chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái (Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

– Một giao dịch bằng ngoại tệ là giao dịch được xác định bằng ngoại tệ hoặc yêu cầu thanh toán bằng ngoại tệ, bao gồm các giao dịch phát sinh khi một doanh nghiệp:

+ Mua hoặc bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ mà giá cả được xác định bằng ngoại tệ.

+ Vay hoặc cho vay các khoản tiền mà số phải trả hoặc phải thu được xác định bằng ngoại tệ.

+ Trở thành một đối tác (một bên) của một hợp đồng ngoại hối chưa được thực hiện.

+ Mua hoặc thanh lý các tài sản, phát sinh hoặc thanh toán các khoản nợ xác định bằng ngoại tệ.

– Một giao dịch bằng ngoại tệ phải được hạch toán và ghi nhận ban đầu theo đơn vị tiền tệ kế toán bằng việc áp dụng tỷ giá hối đoái giữa đơn vị tiền tệ kế toán và ngoại tệ tại ngày giao dịch.

– Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch được coi là tỷ giá giao ngay. Doanh nghiệp có thể sử dụng tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

– Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch được coi là tỉ giá giao ngay. Doanh nghiệp có thể sử dụng tỷ giá xấp xỉ với tỉ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

– Các giao dịch làm tăng vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả được quy đổi ngoại tệ ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch để ghi sổ kế toán.

– Các giao dịch làm giảm vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả được quy đổi ngoại tệ ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá ghi sổ để ghi sổ kế toán.

– Trường hợp mua bán ngoại tệ bằng đơn vị tiền tệ kế toán (VNĐ) thì được hạch toán theo tỷ giá thực tế mua hoặc thực tế bán.

Cuối niên độ kế toán (ngày lập bảng cân đối kế toán) các khoản mục tiền tệ phải được báo cáo theo tỷ giá cuối kỳ, đó là tỷ giá giao dịch bình quân trên thị

trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm.

Nhóm tài khoản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có thêm chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phải phản ánh số chênh lệch này trên các TK doanh thu, chi phí tài chính (nếu phát sinh trong giai đoạn SXKD, kể cả doanh nghiệp có hoạt động đầu tư XD CB) hoặc phản ánh vào TK 413 (nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư XD CB - Giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

1.2 Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ

1.2.1 Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại quỹ:

– Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và đầy đủ chữ ký của người nhận tiền, người giao tiền và người cho phép nhập xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

– Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hằng ngày, liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

– Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập xuất quỹ tiền mặt. Hằng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu giữa sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, thủ quỹ và kế toán phải kiểm tra để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

– Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

– Khi phát sinh các nghiệp vụ có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì ghi sổ theo giá mua thực tế (giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán).

– Khi xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể tính giá bình quân hoặc giá thực tế đích danh. Tuy nhiên do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý là loại tài sản có giá trị lớn và mang tính tách biệt nên phương pháp tính giá thực tế đích danh thường được sử dụng.

– Nếu có chênh lệch giữa giá xuất và giá thanh toán tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ thì được phản ánh vào TK 711: Thu nhập khác, hoặc TK 811: Chi phí khác.

– Riêng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhận ký cược, ký quỹ nhập theo giá nào thì khi xuất hoàn trả lại phải theo đúng giá đó và phải đếm số lượng, cân trọng lượng và giám định chất lượng trước khi niêm phong.

1.2.2. Chứng từ sử dụng:

Các chứng từ được sử dụng trong công tác hạch toán tiền mặt tại quỹ bao gồm:

- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Giấy đề nghị tạm ứng
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng
- Giấy đề nghị thanh toán
- Biên lai thu tiền
- Bảng kê vàng, bạc, kim khí quý, đá quý
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VND)
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho ngoại tệ vàng, bạc, kim khí quý, đá quý)

– Bảng kê chi tiền

Trong đó:

– *Phiếu thu*: Được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền mặt Việt Nam, ngoại tệ đã thu trong kỳ theo từng nguồn thu.

– *Phiếu chi*: Được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền đã chi của đơn vị trong kỳ, là căn cứ xác định trách nhiệm vật chất của người nhận tiền.

– *Giấy đề nghị tạm ứng*: Là căn cứ để xét duyệt tạm ứng làm thủ tục lập phiếu chi xuất quỹ cho tạm ứng.

– *Giấy thanh toán tiền tạm ứng*: Là chứng từ liệt kê các khoản tiền đã nhận tạm ứng, làm căn cứ thanh toán số tiền tạm ứng và ghi sổ kế toán.

– *Giấy đề nghị thanh toán*: Dùng trong trường hợp đã chi nhưng chưa được thanh toán hoặc chưa nhận thanh toán, hoặc chưa nhận tạm ứng để tổng hợp các khoản đã chi kèm chứng từ (nếu có) làm thủ tục thanh toán.

– *Biên bản kiểm kê (Dùng cho tiền Việt Nam)*: Là bằng chứng xác nhận số tiền mặt Việt Nam tồn quỹ thực tế và số chênh lệch thừa, thiếu so với sổ quỹ, làm cơ sở xác định trách nhiệm vật chất và bồi thường cũng như là căn cứ để điều chỉnh số tiền tồn quỹ trên sổ sách kế toán theo số tiền tồn quỹ thực tế.

– *Biên lai thu tiền*: Là giấy biên nhận của đơn vị hoặc cá nhân đã thu tiền hoặc thu séc của người nộp tiền làm căn cứ để lập phiếu thu, nộp tiền vào quỹ, đồng thời để người nộp tiền thanh toán với đơn vị nộp tiền hoặc lưu quỹ.

– *Bảng kê chi tiền*: Là căn cứ để quyết toán kinh phí cho đại biểu tham dự hội thảo tập huấn. Áp dụng cho các cuộc hội thảo, tập huấn diễn ra nhiều ngày, tiền chi thanh toán một lần vào ngày cuối hội thảo.

1.2.3 Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 111 - "**Tiền mặt**":

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình thu, chi tiền mặt tại quỹ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 111 - "Tiền mặt":

– Bên Nợ:

- + Phản ánh các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý nhập quỹ.
- + Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- + Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền mặt ngoại tệ).

– Bên Có:

- + Phản ánh các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý xuất quỹ.
- + Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- + Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền mặt ngoại tệ).

– Số dư bên Nợ: Phản ánh các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý còn tồn ở quỹ.

TK 111 - "Tiền mặt" có 03 tài khoản cấp 2:

- TK 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.
- TK 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.

– TK 1113 - Vàng, bạc, kim khí, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí, đá quý nhập xuất tồn quỹ.

– Đối với ngoại tệ, ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi ngoại tệ trên TK 007 - "**Ngoại tệ các loại**".

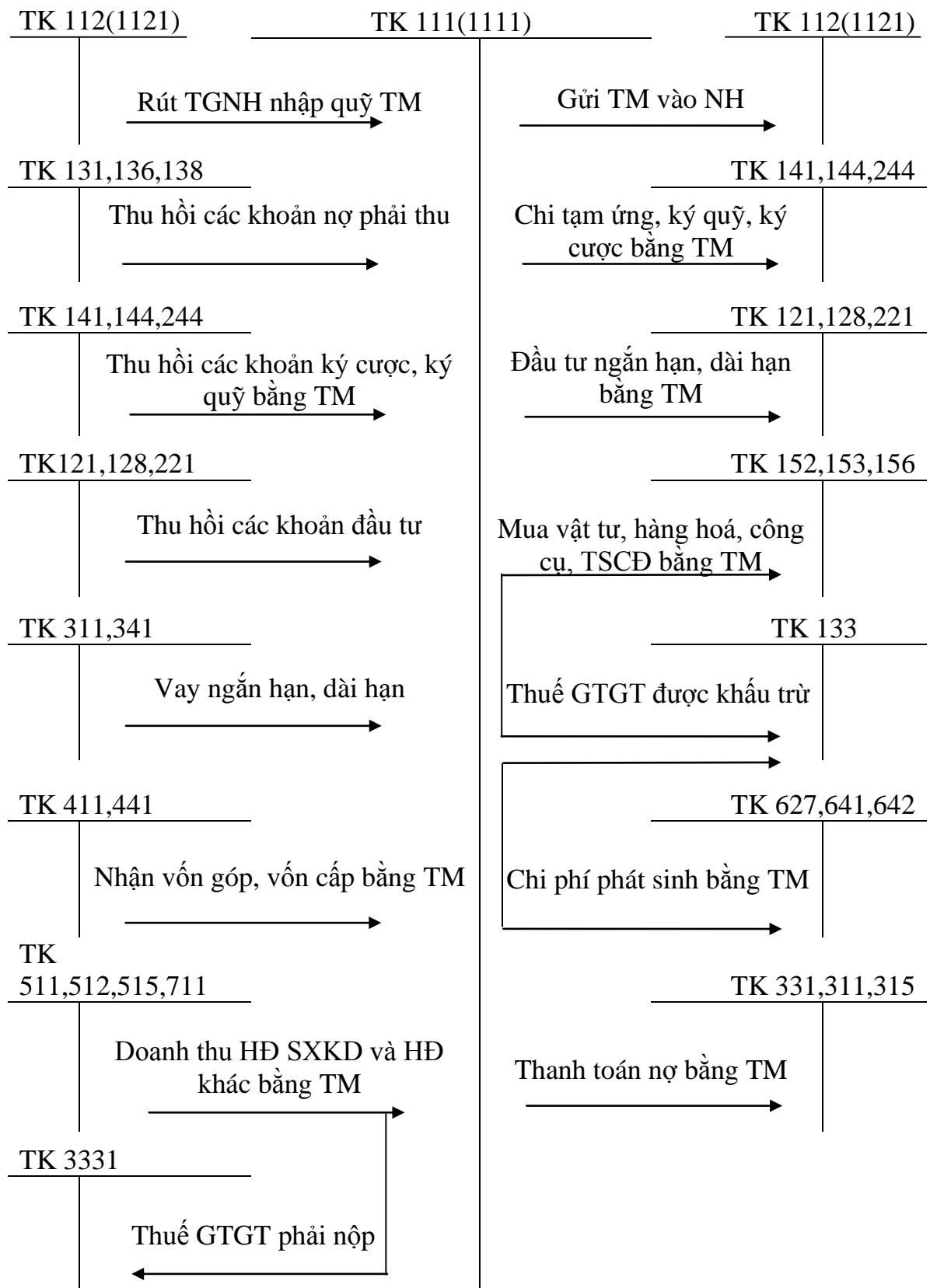
Kết cấu TK 007 - Ngoại tệ các loại như sau:

- Bên nợ: Số ngoại tệ thu vào (Nguyên tệ).
- Bên có: Số ngoại tệ xuất ra (Nguyên tệ).
- Số dư bên nợ: Số ngoại tệ còn lại tại doanh nghiệp (Nguyên tệ).

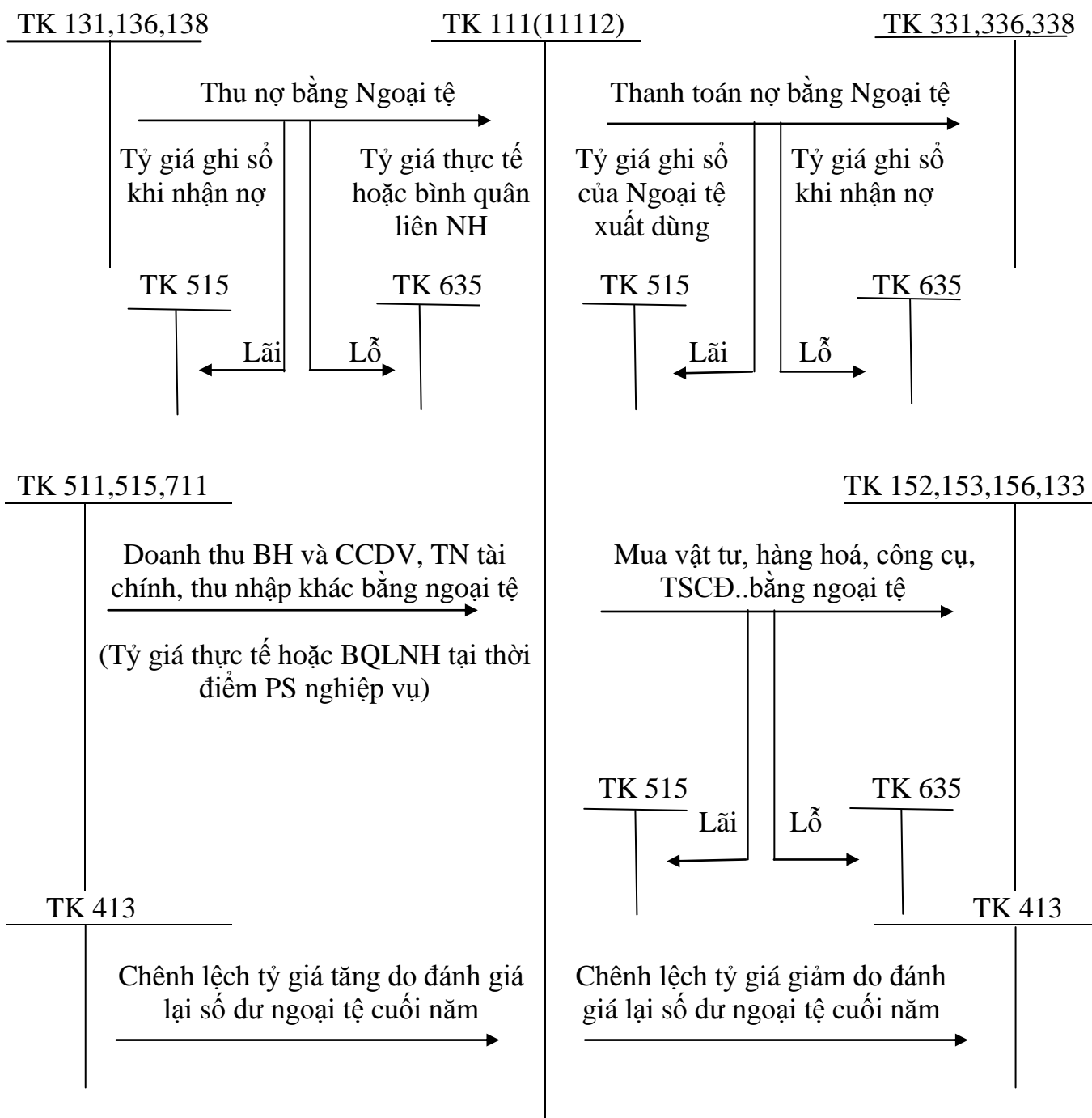
1.2.4. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán tiền mặt tại quỹ bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được phản ánh qua **sơ đồ 1.1, 1.2, 1.3** như sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán tiền mặt (VNĐ)



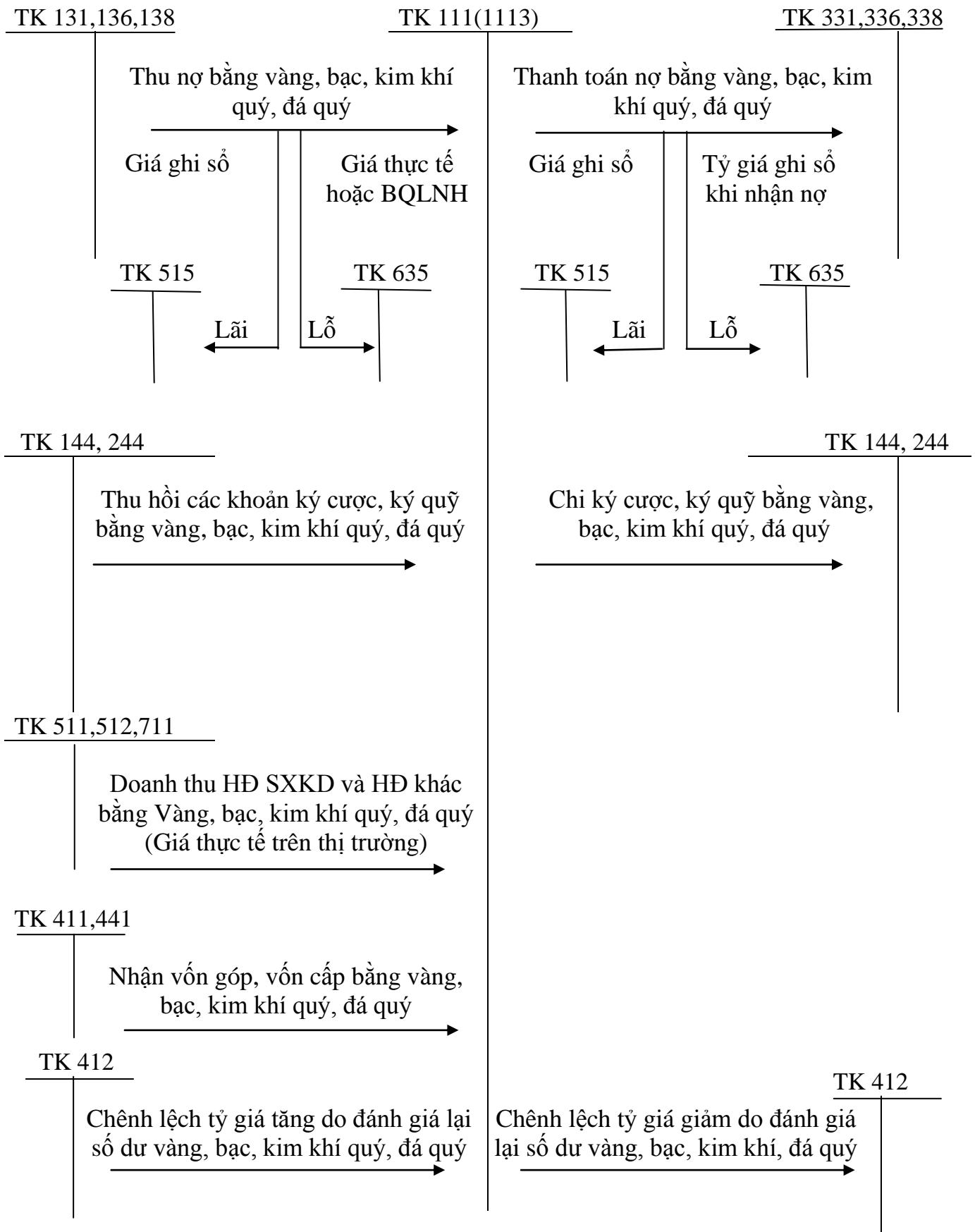
Sơ đồ 1.2: Kế toán tiền mặt (Ngoại tệ)



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại

TK 007	
Thu nợ bằng ngoại tệ Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng Ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng Ngoại tệ Mua vật tư, hàng hoá, công cụ, TSCĐ bằng Ngoại tệ

Sơ đồ 1.3: Kế toán tiền mặt (Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý)



1.3. Tổ chức kế toán tiền gửi Ngân hàng:

1.3.1. Một số quy định trong việc hạch toán tiền gửi Ngân hàng:

Tiền của các doanh nghiệp phần lớn được gửi ở các Ngân hàng, kho bạc hoặc các Công ty tài chính để thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt. Khi có nhu cầu thanh toán một khoản chi phí nào đó bằng tiền gửi Ngân hàng, Công ty phải thực hiện thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền. Nhiệm vụ này do kế toán thanh toán với Ngân hàng đảm nhiệm. Số lãi thu được từ khoản tiền gửi ngân hàng được hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính.

Khi nhận được chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán tiền gửi ngân hàng của Công ty tiến hành kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa sổ sách của Công ty với chứng từ của ngân hàng gửi đến thì kế toán tiền gửi Ngân hàng phải thông báo với ngân hàng để kịp thời xác minh đối chiếu và xử lý. Nếu số liệu hai bên đã cân đối, kế toán tiền gửi hạch toán chi tiết trên sổ tiền gửi Ngân hàng để theo dõi cho từng nghiệp vụ phát sinh.

Khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh, xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (Nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (Nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3388) (Nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi trên sổ.

Tại những đơn vị có những tổ chức, bộ phận phụ thuộc, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho công

tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

Phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

1.3.2. Chứng từ sử dụng:

Căn cứ để hạch toán tiền gửi Ngân hàng là:

- Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Bản sao kê
- Sổ phụ tài khoản
- Hoá đơn giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra.

1.3.3. Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 112 - "**Tiền gửi ngân hàng**":

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của các khoản tiền gửi của doanh nghiệp tại các ngân hàng và Công ty tài chính.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 112 - "**Tiền gửi ngân hàng**":

– Bên Nợ:

+ Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính tăng trong kỳ.

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng (Đối với tiền gửi ngoại tệ).

– Bên Có:

+ Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính giảm trong kỳ.

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm (Đối với tiền gửi ngoại tệ).

– Số dư bên Nợ: Phản ánh các khoản tiền gửi ở Ngân hàng, các tổ chức hành chính hiện còn tại các Ngân hàng.

TK 112 - "Tiền gửi ngân hàng" có 03 Tài khoản cấp 2:

– TK 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

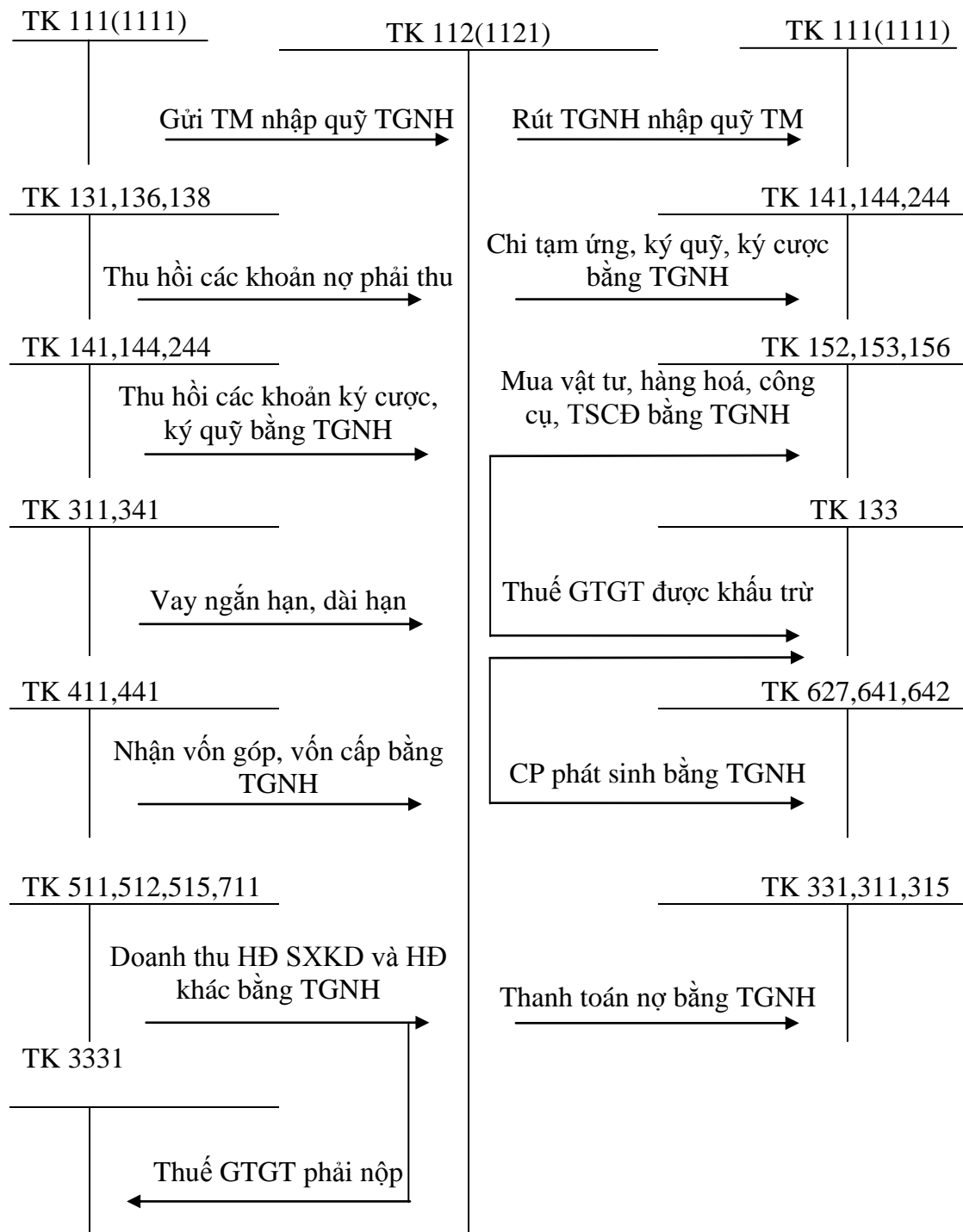
– TK 1122 - Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại các ngân hàng bằng ngoại tệ, các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.

– TK 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng.

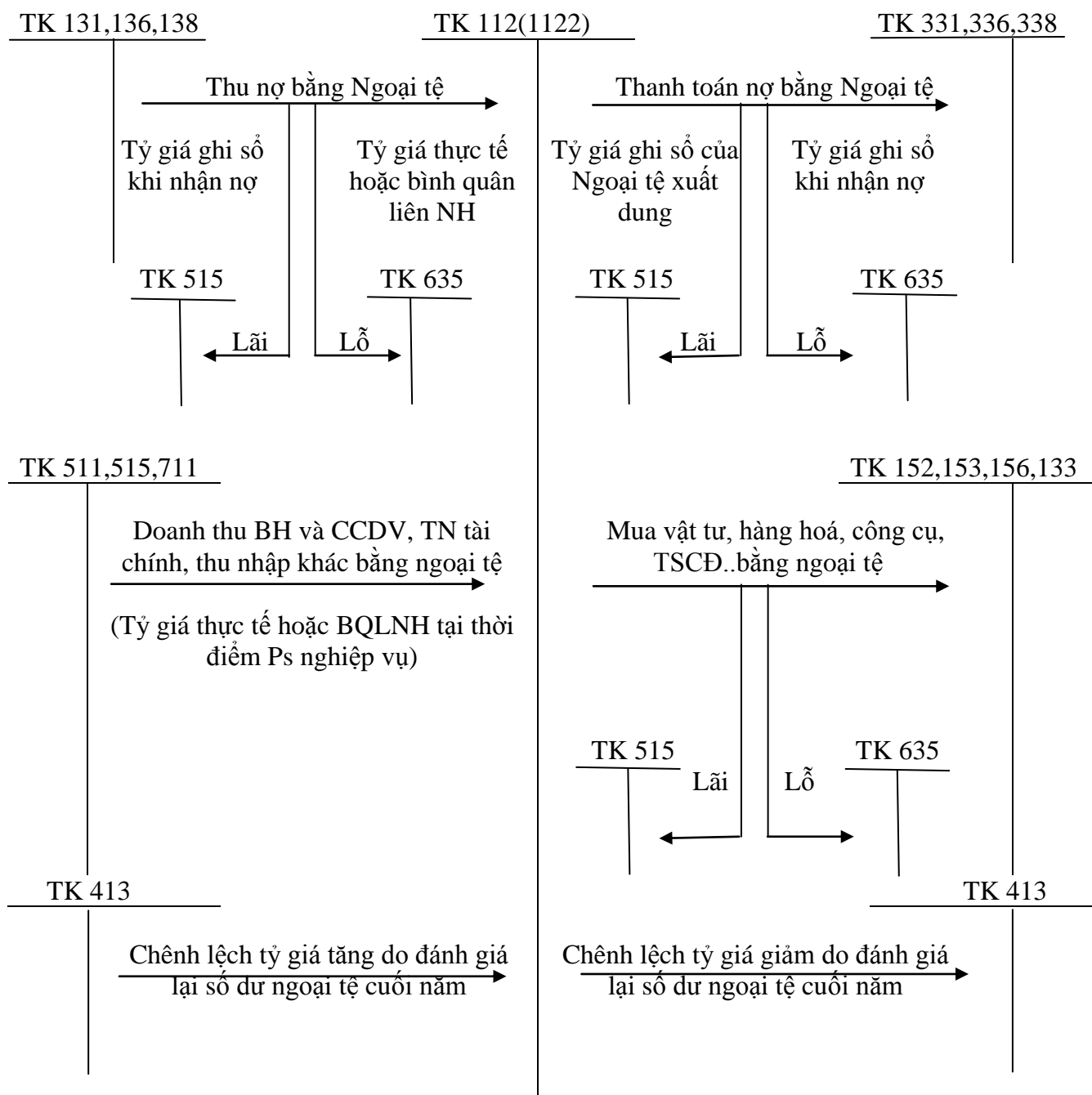
1.3.4. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán tiền gửi ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, Ngoại tệ được phản ánh qua sơ đồ 1.4, 1.5 như sau:

Sơ đồ 1.4: Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VND)



Sơ đồ 1.5: Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại

TK 007	
Thu nợ bằng ngoại tệ Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng Ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng Ngoại tệ Mua vật tư, hàng hoá, công cụ, TSCĐ bằng Ngoại tệ

1.4. Tổ chức kế toán tiền đang chuyển:

1.4.1. Nội dung chủ yếu của kế toán tiền đang chuyển:

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển vào ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ giá trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay giấy bản sao kê của ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hoặc giấy báo Có...

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Séc bán hàng thu được phải nộp vào Ngân hàng trong phạm vi thời hạn, giá trị của Séc.
- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua Ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời.
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với Ngân hàng.

1.4.2. Chứng từ sử dụng:

Kế toán tiền đang chuyển sử dụng các chứng từ:

- Giấy nộp tiền
- Biên lai thu tiền

- Phiếu chuyển tiền
- Các chứng từ liên quan khác.

1.4.3. Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 113 - "**Tiền đang chuyển**":

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho các ngân hàng, trả cho doanh nghiệp khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho doanh nghiệp khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của ngân hàng.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 113 - "**Tiền đang chuyển**":

– Bên Nợ:

- + Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, Séc đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã chuyển qua bưu điện để chuyển vào Ngân hàng.
- + Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

– Bên Có:

- + Số kết chuyển vào TK 112 - Tiền gửi và các tài khoản có liên quan.
 - + Chênh lệch giảm tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.
- Số dư bên Nợ: Phản ánh các khoản tiền hiện còn đang chuyển.

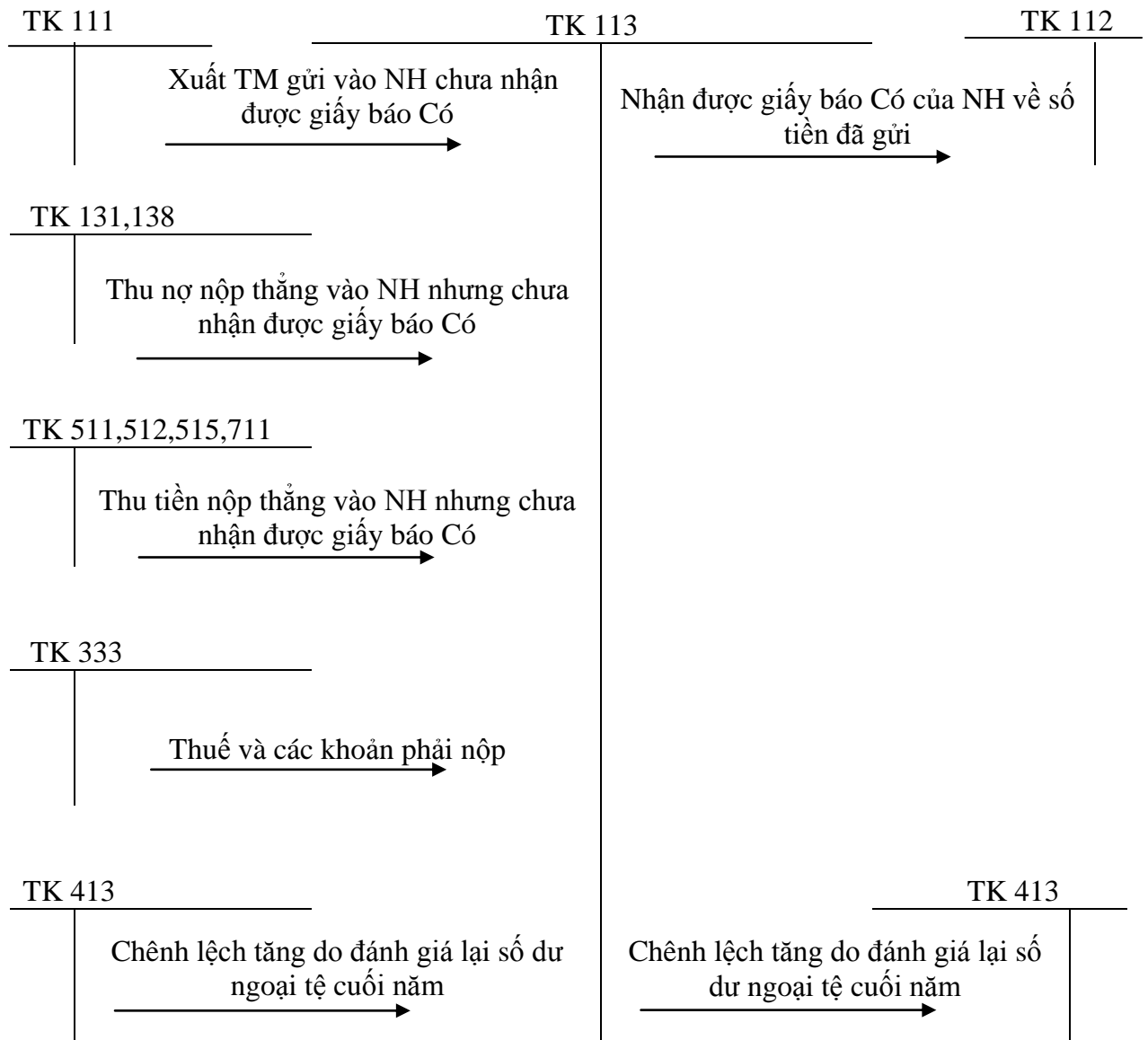
Tài khoản 113 - "**Tiền đang chuyển**" có 02 tài khoản cấp 2:

- TK 1131 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
- TK 1132 - Ngoại tệ: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

1.4.4. Phương pháp hạch toán:

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua **sơ đồ 1.6** như sau:

Sơ đồ 1.6: Kế toán tiền đang chuyển



CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HẠ LONG

2.1. Khái quát chung về Xí nghiệp xây dựng Hạ Long:

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp xây dựng Hạ Long:

Xí nghiệp xây dựng Hạ Long là một trong những đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh được ra đời căn cứ theo quyết định Số: 247/QĐ-HĐQT ngày 8/4/2005 của Công ty Cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh do ông Phạm Ngọc Điệp làm giám đốc điều hành.

Tên công ty : Công ty Cổ phần Xi Măng và Xây Dựng Quảng Ninh

Vốn điều lệ : 125.000.000.000 đồng

Mã số thuế : 5700100263

Địa chỉ : Khu CN Cái Lân - P.Bãi Cháy - TP.Hạ Long - Quảng Ninh

Điện thoại : 033 - 3843003

Fax : 033 - 3841652

Công ty Cổ phần Xi Măng và Xây Dựng Quảng Ninh tiền thân là Xí nghiệp than Uông Bí thành lập theo quyết định số 460 ngày 24 tháng 7 năm 1987 của UBND tỉnh Quảng Ninh; Sau đó thành lập lại theo Quyết định Số: 157/QĐ - UB của UBND tỉnh Quảng Ninh, ban hành ngày 20 tháng 01 năm 1993.

Ngày 22 tháng 01 năm 1997 UBND tỉnh Quảng Ninh ra quyết định Số: 262 QĐ/UB: "V/v sát nhập Xí nghiệp xây dựng Uông Bí vào Xí nghiệp Than Uông Bí thành Công ty xi măng và xây dựng Uông Bí".

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

Trước cùng cách làm ăn hiệu quả cùng với uy tín của doanh nghiệp, ngày 11 tháng 4 năm 1998 UBND tỉnh Quảng Ninh đã quyết định Số: 1125/QĐ - UB, "V/v sáp nhập Công ty xi măng và xây dựng Uông Bí thành Công ty xi măng và xây dựng Quảng Ninh".

Ngày 04/02/2005 tại quyết định Số: 497/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt cổ phần hoá. Tên công ty được thay đổi thành:

Tên tiếng việt: Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Tên tiếng Anh: Quang Ninh Contruction and Cemnt Joint Stoch Company.

Tên viết tắt: QNCC

Ngày 28/03/2005 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22.03.000388.

Sau hơn 10 năm xây dựng và phát triển không ngừng Công ty đã trở thành một doanh nghiệp hàng đầu của tỉnh Quảng Ninh, đã giành được sự tín nhiệm của khách hàng trong và ngoài tỉnh. Hoạt động SXKD của Công ty không ngừng được mở rộng. Đặc biệt, Công ty đã đầu tư chiều sâu với trang thiết bị hiện đại, tiên tiến, đáp ứng mọi yêu cầu SXKD trong thời kỳ đổi mới. Do vậy mà tốc độ tăng trưởng hàng năm trung bình đạt từ 30 – 40%. Hiện nay Công ty đã trở thành một doanh nghiệp lớn gồm 17 đơn vị thành viên với hơn 3000 cán bộ công nhân viên, hoạt động trong nhiều lĩnh vực. Công ty có đông đảo đội ngũ kỹ sư và thợ lành nghề có thể tác nghiệp trong nhiều lĩnh vực.

Quy mô sản xuất vừa và nhỏ, nhưng Xí nghiệp đã tạo công ăn việc làm cho một bộ phận lao động trên địa bàn và khu vực lân cận, hàng năm Xí nghiệp đóng góp một phần doanh thu không nhỏ vào ngân sách Công ty tổng.

2.1.2. Đặc điểm ngành nghề sản xuất kinh doanh:

Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá X, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 (Luật số 60/2005 QH11).

Từ một đơn vị chuyên chỉ sản xuất kinh doanh một mặt hàng đến nay Công ty đã mở rộng sản xuất kinh doanh đa ngành, sản xuất các mặt hàng chính như:

- *Xi măng theo công nghệ Châu Âu,*
- *Bê tông thương phẩm các loại,*
- *Khai thác và chế biến phụ gia, sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng,*
- *Đá xây dựng, đá xẻ ốp lát,*
- *Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn,*
- *Sản xuất gạch nung theo công nghệ lò nung tuynel,*
- *Thi công xây lắp các công trình dân dụng,*
- *.....*

Với phương thức kinh doanh đa ngành nghề cùng với đội ngũ cán bộ công nhân lành nghề, có trình độ cao, giàu kinh nghiệm... Giá trị sản lượng xây lắp, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh không ngừng tăng trưởng hàng năm. Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh xứng đáng với sự tin tưởng của các bạn hàng và chủ đầu tư.

Là một đơn vị kinh doanh xây lắp, chính vì vậy mà đặc điểm tổ chức sản xuất của Xí nghiệp xây dựng Hạ Long cũng có nhiều khác biệt so với các ngành khác.

+ Sản phẩm của Xí nghiệp là những công trình nhà cửa xây dựng và sử dụng tại chỗ, cố định tại địa điểm xây dựng và phân bổ dần dần tại nhiều nơi trên lãnh thổ. Đặc điểm này làm cho sản xuất xây dựng có chất lượng lưu động cao nhưng thiếu ổn định.

+ Sản phẩm xây lắp lại phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện địa phương, có tính đa dạng và cá biệt cao về công dụng, về cấu tạo và về phương pháp chế tạo.

+ Sản phẩm xây lắp có liên quan đến ngành cả về phương diện cung cấp nguyên vật liệu và cả phương diện sử dụng sản phẩm xây dựng làm ra.

Chính tình hình và điều kiện sản xuất trong xây dựng thiếu ổn định luôn biến đổi theo địa điểm xây dựng và giai đoạn xây dựng, cụ thể là con người và công cụ lao động luôn phải di chuyển từ công trình này tới công trình khác còn sản phẩm xây dựng thì hình thành và cố định tại chỗ, đây là đặc điểm khác biệt với các ngành khác. Đặc điểm này làm khó khăn cho việc tổ chức sản xuất, làm nảy sinh nhiều chi phí cho khâu di chuyển lực lượng sản xuất đồng thời yêu cầu Xí nghiệp phải chú trọng tăng cường tính cơ động, linh hoạt và gọn nhẹ về mặt trang thiết bị TSCĐ.

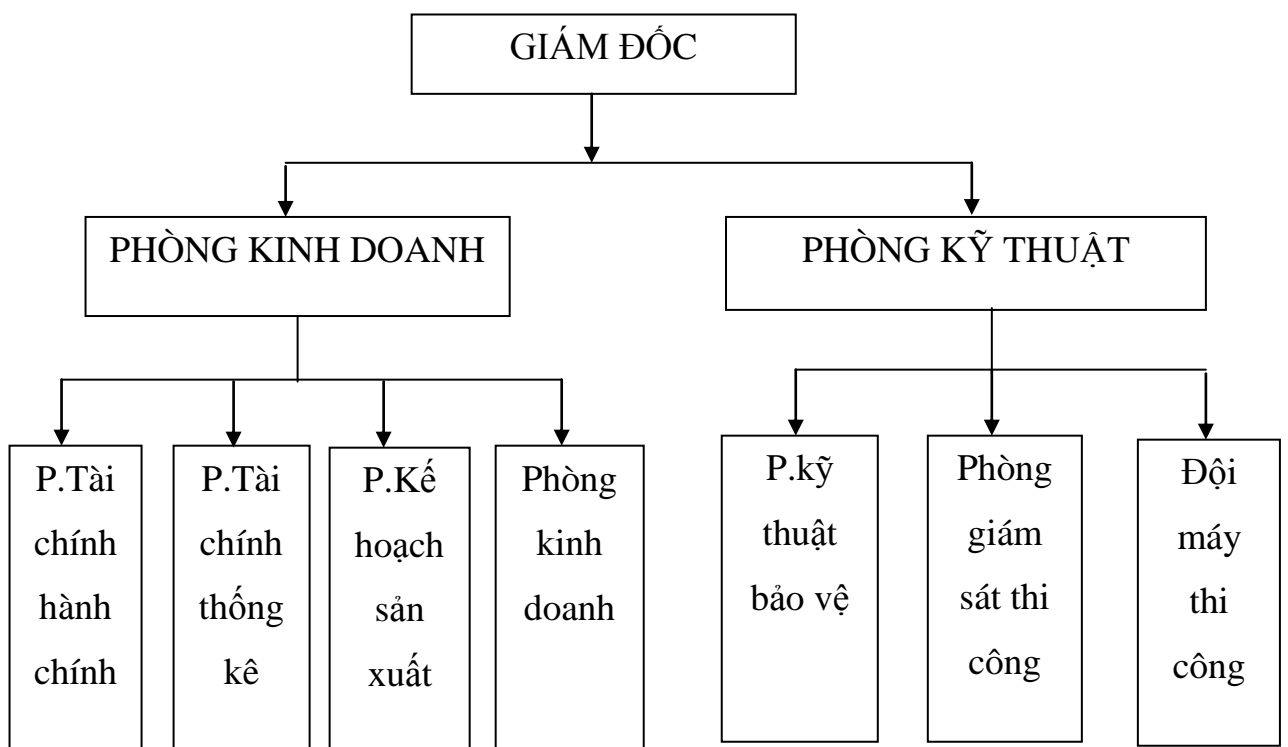
Sản xuất xây dựng của Xí nghiệp được tiến hành theo đơn đặt hàng cho từng trường hợp cụ thể thông qua hình thức ký kết hợp đồng sau khi thắng thầu.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý Xí nghiệp:

Xí nghiệp xây dựng Hạ Long là đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh, với bộ máy gọn nhẹ, đảm bảo phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ do Công ty đề ra và phù hợp với tình hình hoạt động của Xí nghiệp.

Xí nghiệp tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến - chức năng phù hợp với quy mô và tình hình hoạt động. Xí nghiệp quản lý, giám sát các công trường trong quá trình hoạt động, hướng dẫn các công trường thực hiện đường lối kinh doanh mà Xí nghiệp đề ra. Đồng thời nhận và thi hành đường lối chính sách chung của toàn tổng công ty.

Sơ đồ 2.2:



– *Giám đốc điều hành:* Ông Phạm Ngọc Điệp với vai trò lãnh đạo chung toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp, là đại diện pháp nhân của Xí nghiệp, trước công ty và trước pháp luật, đại diện cho quyền lợi của cán bộ, công nhân viên, chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp.

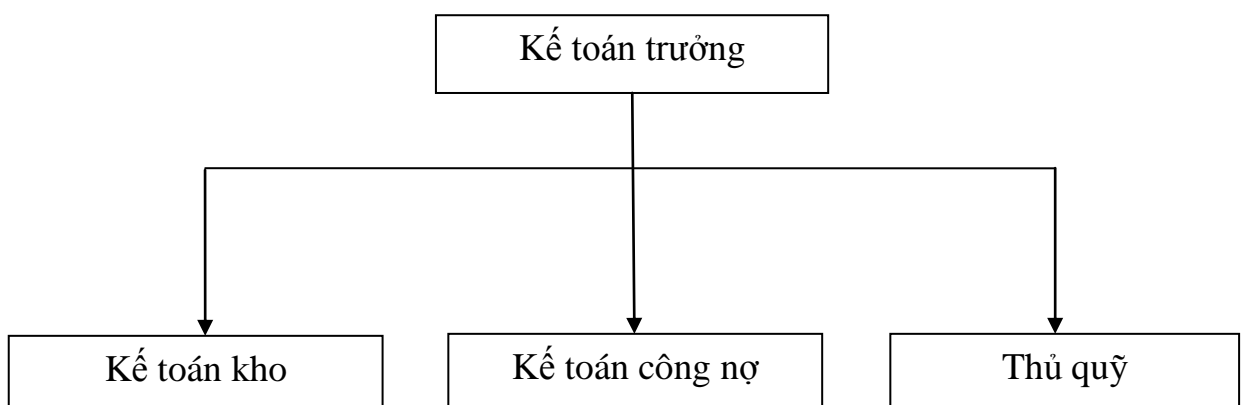
– *Phòng kinh doanh:* Có nhiệm vụ tập hợp chi phí sản xuất, thống kê kịp thời chính xác tình hình biến động tài sản, tổng hợp báo cáo, giúp Giám đốc kiểm tra thường xuyên hoạt động sản xuất kinh doanh, cân đối thu chi, giải quyết công nợ, tính giá thành sản phẩm và xác định kết quả sản xuất kinh doanh.

– *Phòng kế hoạch kỹ thuật:* Tổng hợp và xây dựng kế hoạch sản xuất, định mức theo dõi nguồn vật tư tiêu hao của từng đơn vị. Lập kế hoạch mua sắm vật tư trang thiết bị, phối hợp cùng phòng chức năng tiến hành xây dựng kế hoạch giá thành từng tháng, quý, năm. Đồng thời lập các thiết kế kỹ thuật và theo dõi việc triển khai thực hiện các đội máy thi công theo đúng biện pháp thiết kế.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long:

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:

Sơ đồ 2.3:



– *Kế toán trưởng*: Là người có chức năng tổ chức chỉ đạo thực hiện trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, tài chính do Giám đốc điều hành. Đồng thời chịu sự chỉ đạo trực tiếp về mặt hành chính của Giám đốc, có nhiệm vụ báo cáo tình hình hoạt động hàng tháng, quý, năm giúp Giám đốc nắm bắt được các thông tin về tình hình hoạt động tài chính và hiệu quả kinh doanh của Xí nghiệp.

– *Kế toán kho*: Quản lý hạch toán các nghiệp vụ nhập, xuất nguyên vật liệu.

– *Kế toán công nợ*: Theo dõi các khoản phải trả của người bán và phải thu của người mua theo hoá đơn, chứng từ, chi phí tiền lương, chi phí hành chính.

– *Thủ quỹ*: Quản lý tiền mặt của Xí nghiệp, căn cứ vào các chứng từ được phê duyệt hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để tiến hành thu, chi tiền mặt và ghi sổ quỹ hàng ngày. Hàng tháng đối chiếu với kế toán về tồn quỹ và các lệnh thu chi báo cáo với kế toán trưởng.

2.1.4.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán:

Căn cứ vào các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán, các chế độ tài chính - kế toán hiện hành và đặc thù của doanh nghiệp, Xí nghiệp xây dựng Hạ Long đang áp dụng hệ thống chứng từ và tài khoản theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Xí nghiệp:

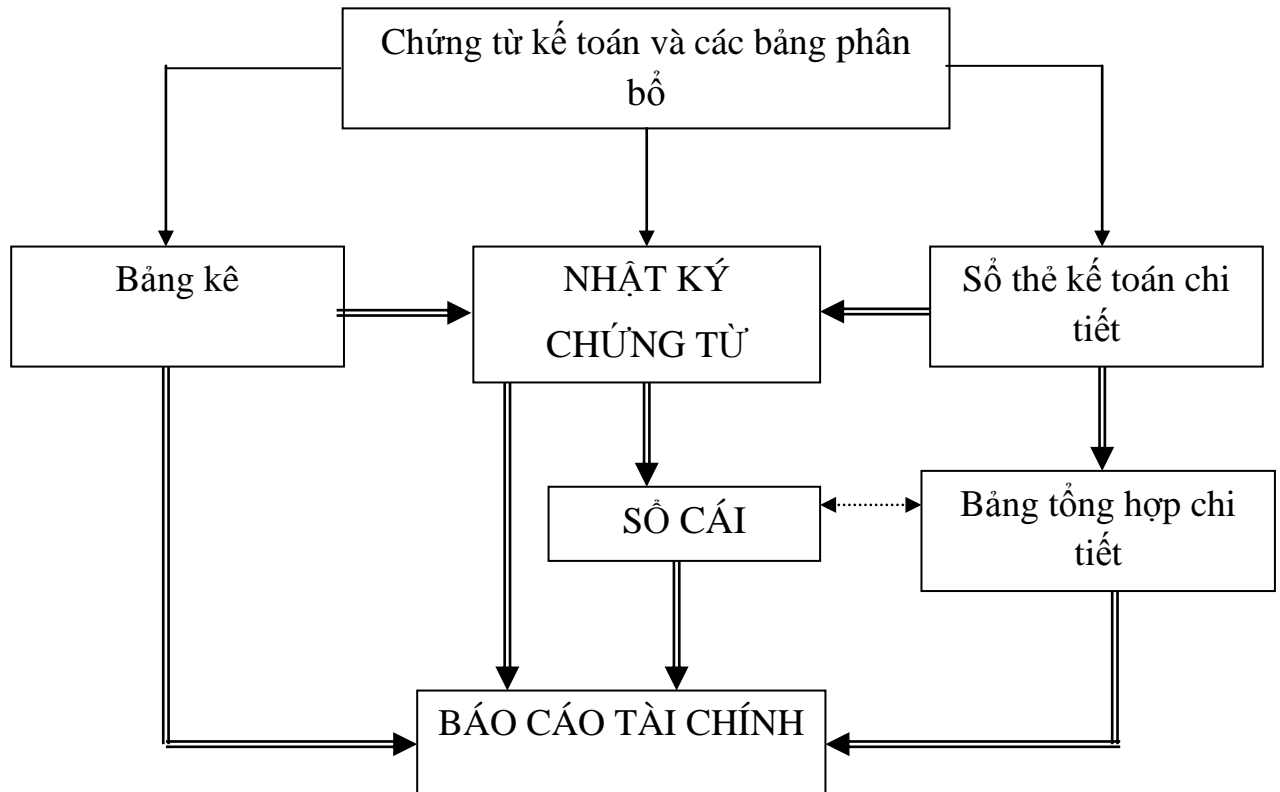
Hiện nay Xí nghiệp đang áp dụng hình thức Nhật ký - Chứng từ. Nhật ký chứng từ là hình thức sổ kế toán tổng hợp kết hợp với hệ thống các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian và phân loại theo nội dung kinh tế. Nhật ký chứng từ mở theo vé Có của tài khoản, đối ứng với bên Nợ các tài khoản liên quan. Nhật ký chứng từ - Hình thức này có ưu điểm là giảm được đáng kể khối lượng công việc kế toán và thuận tiện cho việc lập báo cáo tài chính, cung cấp số liệu kịp thời cho yêu cầu quản lý. Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép .
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ được thực hiện theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ:



Ghi chú:

→ : Ghi hàng ngày

⇒ : Ghi cuối tháng

↔ : Đối chiếu- kiểm tra

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán tại Xí nghiệp:

Báo cáo tài chính phải đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, số liệu phản ánh trung thực, chính xác, phục vụ đầy đủ và kịp thời.

Báo cáo định kỳ nhà nước quy định Xí nghiệp phải nộp, gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Các bảng kê khai thuế và nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long:

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ:

Tiền mặt hiện có của Xí nghiệp do thủ quỹ bảo quản tại két của Xí nghiệp. Trong Xí nghiệp luôn dự trữ một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho hoạt động SXKD của mình. Với qui mô hiện nay, số tiền mặt tồn tại quỹ được kế toán tính toán một cách hợp lý để quản lý được tốt tiền vốn, phát hiện kịp thời những sai sót và từ đó đưa ra được các biện pháp tránh sự tham ô lãng phí về tiền mặt.

Tất cả mọi khoản thu, chi do thủ quỹ chịu trách nhiệm; Khi có các chứng từ hợp lệ như: phiếu thu, phiếu chi, giấy thanh toán tạm ứng có chữ ký của kế toán và thủ trưởng đơn vị, thủ quỹ thực hiện thu, chi tiền. Sau khi thực hiện thu, chi tiền, thủ quỹ giữ lại các chứng từ để cuối ngày ghi vào sổ quỹ kiêm báo cáo quỹ, một liên làm báo cáo quỹ rồi kèm theo chứng từ thu, chi gửi cho kế toán quỹ. Ngoài ra, số tiền mặt nhận rồi sẽ được gửi vào Ngân hàng.

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

Chứng từ kế toán sử dụng để hạch toán tiền mặt tại Xí nghiệp bao gồm:

– *Phiếu thu*: Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu thu.

+ Liên 1: Lưu tại nơi lập phiếu

+ Liên 2: Thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán cùng với chứng từ gốc để ghi sổ kế toán.

+ Liên 3: Giao cho người nộp tiền ghi đầy đủ nội dung và ký tên vào phiếu thu, chuyển cho Kế toán trưởng duyệt, sau đó chuyển cho Thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ.

Sau đó chuyển cho kế toán trưởng duyệt và giám đốc ký duyệt, chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ sau khi đã nhận đủ số tiền thủ quỹ ghi số tiền thực tế nhập quỹ (bằng chữ vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên).

Thủ quỹ giữ lại một liên, một liên giao cho người nộp tiền và một liên lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

– *Phiếu chi*: Phiếu chi do kế toán lập thành 02 liên ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu chi (Ký theo từng liên). Phiếu chi có đủ chữ ký của giám đốc, kế toán trưởng mới được xuất quỹ, sau khi nhận tiền người nhận tiền phải ghi rõ số tiền đã nhận và ghi rõ họ tên, ký phiếu.

Thủ quỹ giữ lại một liên, cuối ngày toàn bộ phiếu chi kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

– *Giấy đề nghị tạm ứng*.

– Giấy đề nghị thanh toán.

...

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng:

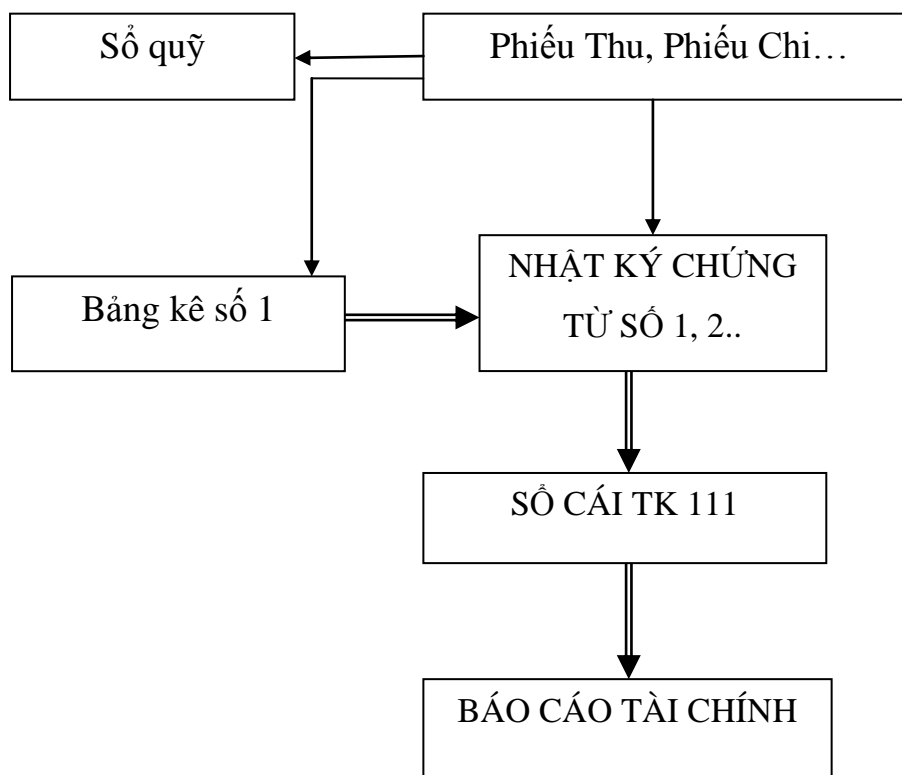
Kế toán sử dụng tài khoản 111 - "Tiền mặt" để phản ánh tình hình thu, chi tiền mặt tại Xí nghiệp. Xí nghiệp không sử dụng ngoại tệ để thanh toán trong giao dịch bằng tiền mặt nên TK 111 không có tài khoản cấp 2.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như: TK 131, TK 331, TK 133...

2.2.1.3. Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Xí nghiệp:

Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Xí nghiệp Xây Dựng Hạ Long được kế toán thực hiện theo sơ đồ luân chuyển sau:

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán tại Xí nghiệp Xây Dựng Hạ Long:



Ghi chú:

→ : Ghi hàng ngày

⇒ : Ghi cuối tháng

↔ : Đối chiếu- kiểm tra

2.2.1.4. Một số ví dụ minh họa:

Trong tháng 12/2011, Xí nghiệp Xây Dựng Hạ Long phát sinh nhiều nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu, chi tiền mặt. Sau đây là một số nghiệp vụ minh họa:

Ví dụ 1:

Ngày 01/12/2011: Thu tiền hoàn ứng công trình Trường Mầm Non KĐT Cao Xanh - Hà Khánh C bằng tiền mặt với số tiền là 100.000.000 đồng.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 111	: 100.000.000
Có TK 141	: 100.000.000

Căn cứ nghiệp vụ phát sinh, kế toán lập phiếu thu (Biểu 2.1), thủ quỹ ghi sổ quỹ (Biểu 2.5), từ phiếu thu kế toán ghi vào bảng kê số 1 (Biểu 2.7), cuối tháng, số liệu trên bảng kê số 1 được dùng để ghi vào các nhật ký chứng từ liên quan.

Ví dụ 2:

Ngày 27/12/2011: Ông Ngô Tiến Thủy nộp tiền rút từ tài khoản Ngân hàng về nhập quỹ bằng tiền mặt, số tiền là 500.000.000 đồng.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 111	: 500.000.000
Có TK 112	: 500.000.000

Căn cứ nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán tiến hành lập phiếu thu (Biểu 2.2), thủ quỹ ghi sổ quỹ tiền mặt (Biểu 2.5), từ phiếu thu, kế toán vào bảng kê số 1 (Biểu 2.7), cuối tháng, số liệu trên bảng kê số 1 được dùng để ghi vào các nhật ký chứng từ có liên quan.

Ví dụ 3:

Ngày 29/12/2011: Tạm ứng chi phí công trình HT rửa than Công ty TNHH MTV 397, số tiền 140.000.000 đồng.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 141 : 140.000.000

Có TK 111 : 140.000.000

Căn cứ giấy đề nghị thanh toán (Biểu 2.3), kế toán lập phiếu chi (Biểu 2.4), thủ quỹ ghi sổ quỹ tiền mặt (Biểu 2.5), từ phiếu chi, kế toán vào nhật ký chứng từ số 1 (Biểu 2.6). Cuối tháng số liệu trên nhật ký chứng từ số 1 được dùng để ghi vào sổ cái tài khoản 111 (Biểu 2.8).

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HẠ LONG

Mẫu số 01 - TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Số: 01/12

Nợ 111 : 100.000.000

Có 141 : 100.000.000

Họ và tên người nộp tiền: Ngô Quang Đông

Địa chỉ: Đội 06TU046 - CT Trường Mầm Non KĐT Cao Xanh - Hà Khánh C

Lý do thu: Thu tiền hoàn ứng CT Trường Mầm Non KĐT Cao Xanh - Hà Khánh C

Số tiền: 100.000.000

Bằng chữ: *Một trăm triệu đồng chẵn*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Thủ quỹ	Người lập biểu
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu số 2.1

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HẠ LONG

Mẫu số 01 - TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 27 tháng 12 năm 2011

Số: 10/12

Nợ 111 : 500.000.000

Có 112 : 500.000.000

Họ và tên người nộp tiền: Ngô Tiến Thủy

Địa chỉ: Xí nghiệp Xây Dựng Hạ Long

Lý do thu: Nộp tiền rút từ TKNH về nhập quỹ

Số tiền: 500.000.000

Bằng chữ: *Năm trăm triệu đồng chẵn*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 27 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Thủ quỹ	Người lập biểu
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu số 2.2

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

CÔNG TY CP XI MĂNG VÀ XD QUẢNG NINH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

XÍ NGHIỆP XD HẠ LONG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

=====

-----***-----

ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Kính gửi: Giám đốc Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

Họ và tên người ứng: Vũ Quang Báu

Địa chỉ: Đội công trình 06TU051

Đề nghị Giám đốc cho ứng số tiền: 140.000.000

Bằng chữ: *Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn.*

Lý do xin ứng: Tạm ứng chi phí cho CT HT rửa than Công ty TNHH MTV 397

Ngày 29 tháng 12 năm 2011

GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ TOÁN

NGƯỜI XIN ỨNG

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.3

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HẠ LONG

Mẫu số 01 - TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 29 tháng 12 năm 2011

Số: 31/12

Nợ 141 : 140.000.000

Có 111 : 140.000.000

Họ và tên người nhận tiền: Vũ Quang Báu

Địa chỉ: Đội công trình 06TU051

Lý do chi: T/ứ CP CT HT rửa than Công ty TNHH MTV 397

Số tiền: 140.000.000

Bằng chữ: *Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 29 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Thủ quỹ	Người lập biểu
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu số 2.4

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HẠ LONG

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản: 111 - Tiền mặt Việt Nam

Năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		Tồn
Ngày	Số hiệu		Thu	Chi	
	PT				PC
			Tồn đầu kỳ:		392 137 316
01/12	PT 1/12		100 000 000		492 137 316
01/12		PC 1/12		6 794 000	485 343 316
		
09/12		PC 7/12		26 073 197	508 664 887
		
27/12	PT 10/12		500 000 000		614 939 887
27/12		PC 26/12		130 600 000	484 339 887
		
29/12		PC 31/12		140 000 000	278 339 887
		
			Cộng phát sinh trong kỳ:		1 034 408 374
				1 400 896 528	
			Dư cuối kỳ:		25 649 162

Kế toán trưởng

Biểu số 2.5: Trích sổ quỹ tháng 12/2011

Người ghi sổ

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HẠ LONG

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1
Ghi Có tài khoản 111 - Tiền mặt
Tháng 12 năm 2011

Stt	Ngày	Ghi Có tài khoản 111, ghi Nợ các tài khoản						Cộng Có TK 111
		TK 133	TK 141	TK 334	TK 338	TK 338	TK 642	
1	01/12	679 400					6 794 000	7 473 400
2	02/12		2 880 000					2 880 000
3	05/12		5 000 000					5 000 000
4	06/12	563 400	40 000 000			744 600	5 947 000	47 255 000
5	09/12		6 000 000	27 676 800				33 676 800
6	10/12		51 340 000					51 430 000
7	12/12	100 000	83 923 000				1 000 000	85 023 000
8	13/12		34 000 000					34 000 000
9	16/12		20 000 000					20 000 000
10	19/12		49 844 000					49 844 000
11	20/12				100 900 000		12 520 000	113 420 000
12	22/12		40 000 000					40 000 000
13	24/12		20 000 000					20 000 000
14	27/12		256 600 000					256 600 000
15	28/12		240 000 000					240 000 000
16	29/12		140 000 000					140 000 000
17	30/12	561 600	186 200 000				5 938 400	192 700 000
18	31/12	48 107		60 531 067		1 015 154		61 594 328
Cộng		1 952 507	1 175 877 000	88 207 867	100 900 000	1 759 754	32 199 400	1 400 896 528

Kế toán ghi sổ

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

Biểu số 2.6

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HẠ LONG

BẢNG KÊ SỐ 1

Ghi Nợ Tài khoản 111 - Tiền mặt
Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu tháng: 392 137 316

Số TT	Ngày	Ghi Nợ TK 111, ghi Có các TK					Số dư cuối ngày
		TK 112	TK 131	TK 138	TK 141	Cộng Nợ TK 111	
1	01/12				100 000 000	100 000 000	484 663 916
2	06/12			2 229 168	2 500 000	4 729 168	434 258 084
3	07/12				89 880 000	89 880 000	524 138 084
4	08/12			1 603 603		1 603 603	525 741 687
5	09/12				10 600 000	10 600 000	502 664 887
6	12/12				3 000 000	3 000 000	369 211 887
7	20/12		22 000		22 970 000	22 992 000	174 939 887
8	27/12	500 000 000				500 000 000	358 339 887
9	28/12	300 000 000				300 000 000	418 339 887
10	31/12			1 603 603		1 603 603	25 649 162
Cộng:		800 000 000	22 000	5 436 374	228 950 000	1 034 408 374	

Số dư cuối tháng: 25 649 162

Kế toán ghi sổ

Kế toán ghi sổ

Kế toán ghi sổ

Biểu số 2.7

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
37 372 509	

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 111

Năm 2011

TK đối ứng	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
112	1 823 345 000	783 000 000	800 000 000
131	87 000	66 000	22 000
138	11 342 258	6 594 390	5 436 374
141	322 188 289	340 038 678	228 950 000
Cộng PS nợ	2 156 962 547	1 129 699 068	1 034 408 374
Cộng PS có	2 061 786 738	684 692 052	1 400 896 528
Dư nợ cuối tháng	52 869 700	392 137 316	25 649 162
Dư có cuối tháng				

Ngày...tháng...năm 2011

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8: Trích sổ cái

2.2.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng:

Theo chế độ quản lý tiền tệ hiện hành các Công ty phải mở tài khoản tại ngân hàng để gửi tiền vào tài khoản sử dụng cho việc giao dịch, thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh. Kế toán tiền gửi ngân hàng phải có trách nhiệm theo dõi mọi khoản tiền của Công ty để gửi vào tài khoản các ngân hàng mà Công ty đã mở tài khoản ở đó.

2.2.2.1 Chứng từ kế toán tiền gửi ngân hàng:

- Ủy nhiệm chi.
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Bảng sao kê ngân hàng
- Kèm theo các chứng từ gốc liên quan khác.

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 112 - "**Tiền gửi ngân hàng**":

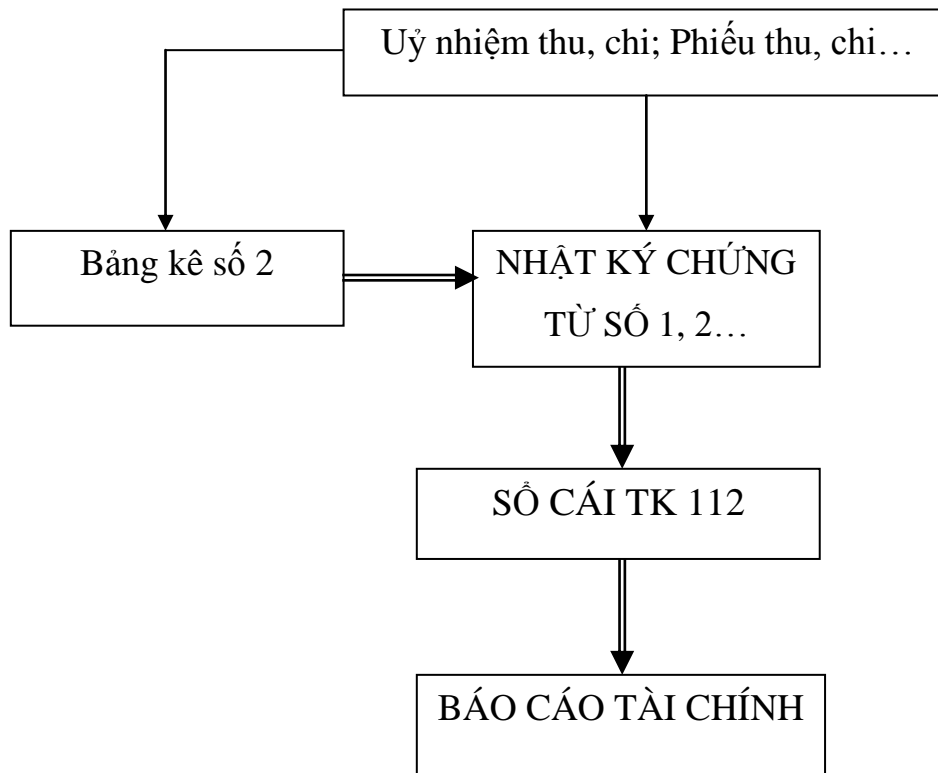
Tài khoản này dùng để phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam tại ngân hàng. Hiện nay, Xí nghiệp chỉ giao dịch với ngân hàng BIDV chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh nên tài khoản 112 không có tài khoản cấp 2.

- Ngoài ra, kế toán sử dụng các tài khoản liên quan khác như: TK 642, TK 141, TK 131...

2.2.2.3. Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng:

Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long được hạch toán theo **sơ đồ 2.6** dưới đây:

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng tại Xí nghiệp:



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi cuối tháng
- ↔ : Đối chiếu- kiểm tra

2.2.2.4. Một số ví dụ minh họa:

Ví dụ 1:

Ngày 16/12/2011, Xí nghiệp chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng trả tiền mua đá học CTXD h/chính tuyến mương thoát nước số 01 cho công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Vận tải Hùng Tâm.

Kế toán định khoản:

Nợ 331: 200.000.000

Có 112: 200.000.000

Căn cứ giấy báo Nợ ngày 16/12 (Biểu 2.10) kế toán ghi vào nhật ký chứng từ số 2 (Biểu 2.14). Cuối tháng, số liệu trên nhật ký chứng từ số 2 được ghi vào sổ cái tài khoản 112 (Biểu 2.16).

Ví dụ 2:

Nhập lãi TKTG tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Ngày 31/12/2011 Xí nghiệp nhận được giấy báo Có trả lãi tiền gửi VND của Ngân hàng BIDV với số tiền là 2.055.116 (Biểu số 2.11).

Đồng thời Ngân hàng chuyển cho Xí nghiệp thông báo Giao dịch, thông báo về số dư tài khoản. Căn cứ vào chứng từ: Giấy báo có, bảng kê GD kế toán kiểm tra đối chiếu với Ngân hàng để kiểm tra tính chính xác, hợp lý của số liệu, kế toán vào bảng kê số 2 (Biểu 2.15). Cuối tháng, số liệu trên bảng kê số 2 được ghi vào các nhật ký chứng từ liên quan.

Ví dụ 3:

Rút tài khoản về nhập quỹ tiền mặt:

Ngày 27/12/2011 Xí nghiệp nhận được giấy báo Nợ rút tiền gửi VND của Ngân hàng BIDV với số tiền là 500.000.000 (Biểu số 2.13).

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

Đồng thời Ngân hàng chuyên cho Xí nghiệp thông báo Giao dịch, thông báo về số dư tài khoản. Căn cứ vào chứng từ: Giấy báo Nợ, bảng kê GD kế toán kiểm tra đối chiếu với Ngân hàng để kiểm tra tính chính xác, hợp lý của số liệu, kế toán vào Nhật ký chứng từ số 2 (Biểu 2.14), cuối tháng, số liệu trên nhật ký chứng từ số 2 được ghi vào sổ cái tài khoản 112 (Biểu 2.16).



GIẤY NỘP TIỀN KIỂM LỆNH CHI

Số: 25

Ngày 16/12/2011

Số tiền: 200.000.000 VNĐ

Phí Ngân hàng:

Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn

Phí trong

Nội dung: Xí nghiệp XD Hạ Long trả tiền mua đá học CTXD h/chính
tuyến mương thoát nước số 01

Phí ngoài

Người yêu cầu: Phạm Ngọc Diệp

Người được hưởng: Công ty TNHH TM &
DV vận tải Hùng Tâm

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân_Bãi Cháy_QN.

Địa chỉ: 79 Lê Lợi_Quảng Yên_QN

Số CM: 101038947

Số TK: 102010001193709

Cấp ngày: 20/06/1983

Nơi cấp: CA Quảng Ninh.

Tại NH: TMCP Công thương Việt Nam

Số điện thoại:

Người nộp tiền

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Biểu số 2.9

Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 16/12/2011

14:08:40

SỐ TÀI KHOẢN : 102010000226767

TÊN TÀI KHOẢN : XN XD HẠ LONG

Kính gửi: XNXD HẠ LONG

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách đã được ghi NỢ với nội dung sau:

Ngày hiệu lực	Số tiền:	Loại tiền:	XNXD HA LONG TRA TIEN MUA DA HOC CTXD H/CHINH
16/12/2011	200.000.000	VND	TUYEN MUONG THOAT NUOC SO 01
14:08:40			

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.10

Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31/12/2011

14:30:40

SỐ TÀI KHOẢN : 102010000226767

TÊN TÀI KHOẢN : XN XD HẠ LONG

Kính gửi: XNXD HẠ LONG

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách đã được ghi NỢ với nội dung sau:

Ngày hiệu lực	Số tiền:	Loại tiền:	XNXD HẠ LONG NHAP LAI TU NGAY 01/12 DEN NGAY
31/12/2011	2.055.116	VND	31/12/2011
14:30:40			

Biểu số 2.11



GIẤY LĨNH TIỀN MẶT

Số 40.

Ngày 27/12/2011

Số tiền: 500.000.000 VNĐ

Phí Ngân hàng:

Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn

Phí trong

Nội dung: Rút tài khoản Ngân hàng về nhập quỹ

Phí ngoài

Số TK: 102010000336767

Tên tài khoản: Ngô Tiến Thủy

Họ tên người lĩnh tiền mặt (Nếu không phải là chủ tài khoản):

Số CMTND: 101038947

Cấp ngày: 21/06/1988

Nơi cấp: Công an Quảng Ninh.

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân _ Bãi Cháy _ Hạ Long _ Quảng Ninh.

Người lĩnh ký

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Biểu số 2.12

Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 27/12/2011

15:58:40

SỐ TÀI KHOẢN : 102010000336767

TÊN TÀI KHOẢN : NGO TIEN THUY

Kính gửi: XNXD HẠ LONG

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách đã được ghi NỢ với nội dung sau:

Ngày hiệu lực	Số tiền:	Loại tiền:	ONG NGO TIEN THUY RUT TAI KHOAN VE NHAP QUY TIEN
27/12/2011	500.000.000	VND	MAT
15:58:40			

Biểu số 2.13

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HẠ LONG

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2
 Ghi Có Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng
 Tháng 12 năm 2011

Stt	Ngày	Ghi Có Tài khoản 112, ghi Nợ các Tài khoản					
		TK 111	TK 133	TK 331	TK 338	TK 642	Cộng Có TK 112
1	02/12		7 318	240 052 600		18 182	240 078 100
2	05/12			219 933 000			219 933 000
3	06/12		6 636	150 030 000		36 364	150 073 000
4	09/12		1 000		14 500 000	10 000	14 511 000
5	13/12		2 500	95 025 000			95 027 500
6	16/12			200 000 000			200 000 000
7	17/12		4 000	65 711 327			65 715 327
8	21/12		2 063	68 770 625			68 772 688
9	22/12		2 000	50 010 000	17 387 551	10 000	67 409 551
10	27/12	500 000 000		40 000 000			540 000 000
11	28/12	300 000 000	1 200	12 000			300 013 200
Cộng:		800 000 000	26 717	1 129 544 552	31 887 551	74 546	1 961 533 366

Kế toán ghi sổ

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

Biểu số 2.14

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HẠ LONG

BẢNG KÊ SỐ 2

Ghi Nợ Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Tháng 12 năm 2011

Số dư đầu tháng: 931 272 771

Stt	Ngày	Diễn giải	Ghi Nợ Tài khoản 112, ghi Có các Tài khoản			Số dư cuối ngày
			TK 131	TK 515	Cộng Nợ TK 112	
1	05/12	Cty TNHH P&T thanh toán tiền xi măng	39 025 000		39 025 000	510 286 671
2	09/12	TT GTXL hoàn thành sân đường nội bộ	1 192 180 000		1 192 180 000	1 537 882 671
3	13/12	Cty Đức Lâm TT tiền xi măng	70 000 000		70 000 000	1 512 855 171
4	22/12	Công ty Lâm Dương TT tiền xi măng	50 000 000		50 000 000	1 160 957 605
5	31/12	Nhập lãi tiền gửi Ngân hàng		2 055 116	2 055 116	322 999 521
Cộng:			1 351 205 000	2 055 116	1 353 260 116	

Số dư cuối ngày: 322 999 521

Kế toán ghi sổ

Kế toán ghi sổ

Kế toán ghi sổ

Biểu số 2.15

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
6 913 181 462	

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 112
NĂM 2011

TK đối ứng	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
131	1 457 422 000	1 975 268 000	1 351 205 000
515	5 066 721	4 251 303	2 055 116
Cộng PS nợ	1 462 488 721	1 979 519 303	1 353 260 116
Cộng PS có	2 056 453 263	1 926 115 722	1 961 533 366
Dư nợ cuối tháng	877 869 190	931 272 771	322 999 521
Dư có cuối tháng				

Ngày...tháng...năm 2011

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.16

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HẠ LONG

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long:

Là một trong những đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh, Xí nghiệp xây dựng Hạ Long được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2005 tới nay. Trong thời gian đầu tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, Xí nghiệp gặp phải không ít những khó khăn, thiếu thốn nhưng với sự năng động, sáng tạo của đội ngũ quản lý và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, Xí nghiệp đã từng bước tháo gỡ khó khăn, vượt qua thử thách để dần khẳng định vị thế của mình. Trước cung cách làm ăn hiệu quả và sự tín nhiệm của Tổng công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp không ngừng được mở rộng, tạo công ăn việc làm cho lao động trên địa bàn và khu vực lân cận, nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên và đóng góp một phần không nhỏ vào ngân sách công ty tổng.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp vào sự phát triển chung của Xí nghiệp phải kể đến sự cố gắng, nỗ lực của nhân viên kế toán trong công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng đã hoàn thành tốt chức năng quản lý và tham mưu tài chính đảm bảo cho công tác sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp nhịp nhàng, hiệu quả. Trong nền kinh tế thị trường đang ngày một phát triển đòi hỏi công việc của nhân viên kế toán ngày càng nâng cao cũng như khối lượng công việc ngày càng nhiều nhưng với lòng hăng say, cống hiến hết mình với công việc, bộ phận kế toán đã không ngừng học hỏi, tìm tòi, đi sâu phân tích các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhằm tự hoàn thiện chuyên môn và năng lực, từng bước hoàn thiện và phát triển bộ máy kế toán.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu công tác kế toán tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm về công tác kế toán vốn bằng tiền:

– Về tổ chức bộ máy kế toán:

+ Bộ máy kế toán của Xí nghiệp được tổ chức gọn nhẹ, công tác kế toán được thực hiện theo đúng chế độ kế toán và chế độ quản lý tài chính hiện hành, trình tự luân chuyển chứng từ khoa học hợp lý phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Đảm bảo thuận tiện cho kế toán khi đối chiếu cũng như khi kiểm tra số liệu, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Vốn bằng tiền được quản lý một cách chặt chẽ, thông tin kịp thời chính xác các nghiệp vụ thu, chi, tồn quỹ, vào sổ sách theo đúng trình tự các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của BTC ban hành.

+ Nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn, độc lập, nhạy bén trong xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như tổng hợp các thông tin kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, chính xác.

– Về hạch toán kế toán:

+ Về chứng từ kế toán: Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán được ghi đầy đủ, chính xác thông tin, phù hợp với yêu cầu kinh tế và giá trị pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Trình tự luân chuyển chứng từ khoa học hợp lý phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp, đảm bảo tính rõ ràng, không chồng chéo thuận tiện cho kế toán khi đối chiếu cũng như khi kiểm tra số liệu, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Về sổ sách kế toán: Cán bộ kế toán đã mở các sổ sách cần thiết để theo dõi thu, chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, phản ánh thông tin kế toán đầy đủ, chính xác, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý.

+ Về hệ thống tài khoản sử dụng: Áp dụng đúng các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán, các chế độ tài chính - kế toán hiện hành và đặc thù của doanh nghiệp theo hệ thống chứng từ và tài khoản theo quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

– **Về tổ chức kế toán vốn bằng tiền:**

+ Hệ thống chứng từ kế toán: Việc quản lý chứng từ gốc về các khoản thu, chi đảm bảo đúng nguyên tắc.

+ Công tác kế toán vốn bằng tiền: Việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tiến hành đầy đủ, kịp thời. Cuối mỗi quý thực hiện kiểm kê quỹ và đối chiếu số dư nhằm hạn chế sai sót, hạn chế việc gian lận trong quản lý tiền mặt.

+ Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt do vậy quá trình quản lý vốn bằng tiền tại Xí nghiệp là rất chặt chẽ:

- Tiền mặt được bảo quản trong két an toàn, chống mất trộm, chống cháy, đảm bảo tính an toàn cao.
- Mọi biến động của vốn bằng tiền được làm đầy đủ thủ tục và có chứng từ hợp pháp, hợp lý, hợp lệ.
- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền đúng mục đích, đúng chế độ.

+ Kế toán tiến hành quản lý một cách chặt chẽ tiền mặt tại quỹ, thường xuyên kiểm tra tài khoản tại Ngân hàng, liên hệ chặt chẽ và tập hợp theo dõi đầy đủ chứng từ liên quan tới tiền gửi Ngân hàng. Vào sổ sách theo đúng trình tự các chứng từ theo mẫu của BTC ban hành.

Lãnh đạo cùng với kế toán trưởng luôn giám sát chặt chẽ tình hình thu, chi và quản lý tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi

phương pháp tính toán trung thực, hợp lý, rõ ràng các chỉ tiêu kinh tế, đáp ứng tính liên tục, hiệu quả cao cho hoạt động SXKD của Xí nghiệp.

Như vậy, với việc tổ chức công tác vốn bằng tiền đã đáp ứng được nhu cầu của Xí nghiệp đề ra là: Đảm bảo tính thống nhất về mặt phạm vi phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế, đảm bảo các số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng.

– **Về đội ngũ cán bộ công nhân viên:**

Tại Xí nghiệp, Ban lãnh đạo thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ kế toán nhằm nâng cao công tác kế toán, tạo nên bộ máy hoàn chỉnh thực hiện tốt nhất công tác kế toán nói chung và công tác vốn bằng tiền nói riêng. Nhờ chiến lược đó, hiện nay Xí nghiệp Xây dựng Hạ Long có một đội ngũ kế toán có năng lực, trình độ với tinh thần trách nhiệm và thái độ làm việc cao, hiệu quả.

3.1.2. Hạn chế về công tác kế toán vốn bằng tiền:

Bên cạnh những ưu điểm trên, tại Xí nghiệp Xây Dựng Hạ Long còn tồn tại những hạn chế do những yếu tố khách quan và chủ quan nhất định tác động bên trong công tác kế toán nói chung và công tác vốn bằng tiền nói riêng:

– Về luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính, việc lập biểu xuất kho ở Xí nghiệp chưa kịp thời, nhanh gọn, chưa đảm bảo đúng thời hạn quy định. Hơn nữa, việc tập hợp luân chuyển chứng từ do không có quy định cụ thể, không có sổ sách giao nhận, lại do đặc điểm sản xuất kinh doanh là thi công các công trình xây dựng, địa bàn hoạt động rộng nên việc tập hợp số liệu chứng từ sổ sách còn chậm chạp, dễ gây ra mất mát, dẫn đến việc chậm trễ trong việc ra quyết định đối với nhà quản lý.

– Về việc kiểm kê quỹ: Định kỳ, việc kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kê kiểm kê quỹ chưa được thực hiện chi tiết, vì vậy việc theo dõi đối chiếu số tiền

thực tế có tại quỹ với sổ kế toán tiền mặt nhiều khó khăn, chưa đáp ứng kịp thời thông tin cho các quyết định mua bán và thanh toán bằng tiền mặt của Xí nghiệp.

– Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi: Hiện nay Xí nghiệp không tiến hành trích lập dự phòng đối với những khách hàng khó có khả năng thanh toán, vì vậy khi xảy ra trường hợp khách hàng bị phá sản, không có khả năng thanh toán thì Xí nghiệp không có khoản dự phòng để bù đắp rủi ro.

– Hiện nay Xí nghiệp đã sử dụng máy vi tính để lưu trữ số liệu và sổ sách nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như: Word, Excel.. nên vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính và phần mềm trong hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được lao động và thời gian ghi chép của nhân viên kế toán.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long:

Qua thời gian thực tập tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long, căn cứ vào những tồn tại và khó khăn hiện nay trong công tác tổ chức bộ máy kế toán, căn cứ vào quy định của Nhà nước và Bộ Tài Chính, cùng với sự giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn và phòng kế toán tại Xí nghiệp, kết hợp với kiến thức được trang bị tại trường, em xin đưa ra một số ý kiến sau đây hi vọng sẽ góp phần hoàn thiện hơn tổ chức công tác kế toán và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền tại Xí nghiệp.

3.2.1. Giải pháp 1: Hiện đại hoá công tác kế toán tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long:

Để đạt được hiệu quả cao trong công tác kế toán cũng như tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh Xí nghiệp Hạ Long nên áp dụng, hiện đại hoá công tác kế toán tại Xí nghiệp bằng việc triển khai các mô hình phần mềm kế toán cho tổ chức công tác kế toán hiện tại.

Tuy nhiên, làm sao để chọn ra một phần mềm kế toán phù hợp trong hàng trăm phần mềm được bày bán hiện nay là điều không đơn giản. Vì vậy, khi chọn

lựa phần mềm kế toán, điều đầu tiên là các doanh nghiệp sẽ phải cân nhắc xem phần mềm đó có phù hợp với quy mô và nhu cầu hiện tại của doanh nghiệp hay không. Mặt khác, do sản phẩm phần mềm kế toán là sản phẩm trừu tượng, không thể kiểm định ngay nên đa số các doanh nghiệp thường lựa chọn thông qua giới thiệu hoặc dựa vào thương hiệu, uy tín của đơn vị cung cấp.

Thực tế là doanh nghiệp đã khá lúng túng khi muốn tiếp cận một phần mềm cụ thể. Bởi lẽ, các phần mềm kế toán được thiết kế theo quy mô hơn là theo từng ngành nghề lĩnh vực. Ngoài ra, xuất phát từ việc phần mềm kế toán phải theo chuẩn kế toán và theo quy định của Bộ tài chính nên đa số các phần mềm kế toán hiện nay không khác nhau nhiều.

Dù vậy, mỗi nhà cung cấp đều cố gắng hướng sản phẩm tới những đối tượng riêng. Dưới đây là một số thông tin về các phần mềm kế toán tiêu biểu với các tiện ích như: Giá thành rẻ, có tính ổn định, dễ nâng cấp, cập nhật... Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều các phần mềm kế toán hiệu quả như: Phần mềm kế toán MISA, EFFECT, FAST, BRAVO... và các phần mềm kế toán nước ngoài khác như: MYOB, QuickBooks, PeachTree ... Xí nghiệp xây dựng Hạ Long có thể tham khảo, từ đó có những quyết định đúng đắn cho riêng mình.

Phần mềm quản trị - Tài chính - Kế toán Bravo:



Không quảng bá rầm rộ, sản phẩm cũng không tham gia vào các đợt tranh tài về giải thưởng nhưng phần mềm kế toán của Bravo lại nằm ở vị trí số 1 trong top các phần mềm kế toán được đánh giá cao nhất.

Theo nhận xét của những người trong ngành, phần mềm Bravo có nhiều tính năng nổi trội.

– Thứ nhất, phần mềm Bravo cho phép doanh nghiệp triển khai hiệu quả các phân hành thuộc nghiệp vụ kế toán như theo dõi sổ sách kế toán, nắm rõ việc thu - chi, mua bán hàng hoá, quản lý tài sản và hàng tồn kho, tính giá thành sản phẩm ... Đặc biệt, phần mềm Bravo cho phép liên kết dữ liệu số liệu, có chức năng tìm và tự sửa lỗi dữ liệu, tự sao lưu số liệu theo lịch đã lập...

– Thứ hai, Bravo là một trong số ít nhà cung cấp hướng theo hình thức customize, tức cho phép phần mềm được hiệu chỉnh tự do. Vì thế, từ phần mềm cơ bản là Bravo 6.3, sẽ tùy nhu cầu của doanh nghiệp để xây dựng chương trình riêng.

Tuy nhiên, điểm nổi bật của Bravo chính là tính ổn định của chương trình, sự đơn giản và dễ sử dụng; Ngoài ra, phần mềm cho phép chạy mạng đa người dùng (Mạng LAN, Mạng WAN ...), bảo mật và phân quyền chi tiết.

Rõ ràng, phần mềm kế toán Bravo đã thoả mãn phần nào nhu cầu doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo ông Nguyễn Đức Vy, trưởng phòng kinh doanh Công ty Bravo “chính vì phần mềm viết riêng cho từng doanh nghiệp nên doanh nghiệp sẽ phải trả một chi phí lớn hơn rất nhiều so với mua sản phẩm trọn gói” “để đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng một cách tốt nhất theo đúng cam kết chất lượng ISO mà công ty đã đặt ra BRAVO không ngừng phát triển sản phẩm theo hướng chuyên sâu về nghiệp vụ và áp dụng các công nghệ tiên tiến ”.

Hiện tại, theo ông Nguyễn Đức Vy, Công ty Bravo “giá phần mềm có thể xê dịch từ vài ngàn USD đến vài chục ngàn USD” “Khi xác định giá phần mềm kế toán cho một doanh nghiệp công ty Bravo sẽ khảo sát chi tiết các yêu cầu quản trị cũng như nghiệp vụ của doanh nghiệp để đưa ra mức giá hợp lý nhất”.

Phần mềm kế toán của FAST:

Khác với Bravo chỉ tập trung vào 1 phiên bản là Bravo 6.3, công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp (FAST) đã cho ra đời 4 dòng sản phẩm. Cụ thể gồm:

Phần mềm Fast Accounting:

Mỗi năm, phần mềm này được nâng cấp và cho ra những phiên bản mới với nhiều tính năng và tiện ích. Chẳng hạn, Fast Accounting 2009f đã cập nhật chế độ tài chính, kế toán và thuế mới nhất. Ngoài ra, Fast Accounting 2009f cho phép doanh nghiệp theo dõi dòng tiền, quản lý công nợ; quản lý hàng tồn kho; Cung cấp các chương trình tính giá thành bằng nhiều phương pháp; Cho phép quản lý số liệu liên năm; quản lý số liệu của nhiều đơn vị cơ sở, nhiều thời kỳ khác nhau.

Fast Accounting cũng có tính mềm dẻo, khả năng bảo mật, có thể chạy trên nhiều mạng như Windows Server hoặc Novell Netware. Ngoài ra, phần mềm còn

có tính đa tác vụ, tự động hoá xử lý số liệu, tiện ích nhập liệu, hỗ trợ tốc độ lập báo cáo...

Đây là sản phẩm được ưa chuộng và đa số đều chọn giải pháp trọn gói.

Phần mềm Fast Business: Là phần mềm áp dụng cho doanh nghiệp vừa ứng dụng dụng nghiệp vụ trong phòng kế toán, vừa mở rộng quản lý ra toàn doanh nghiệp, phục vụ tất cả các phòng ban.

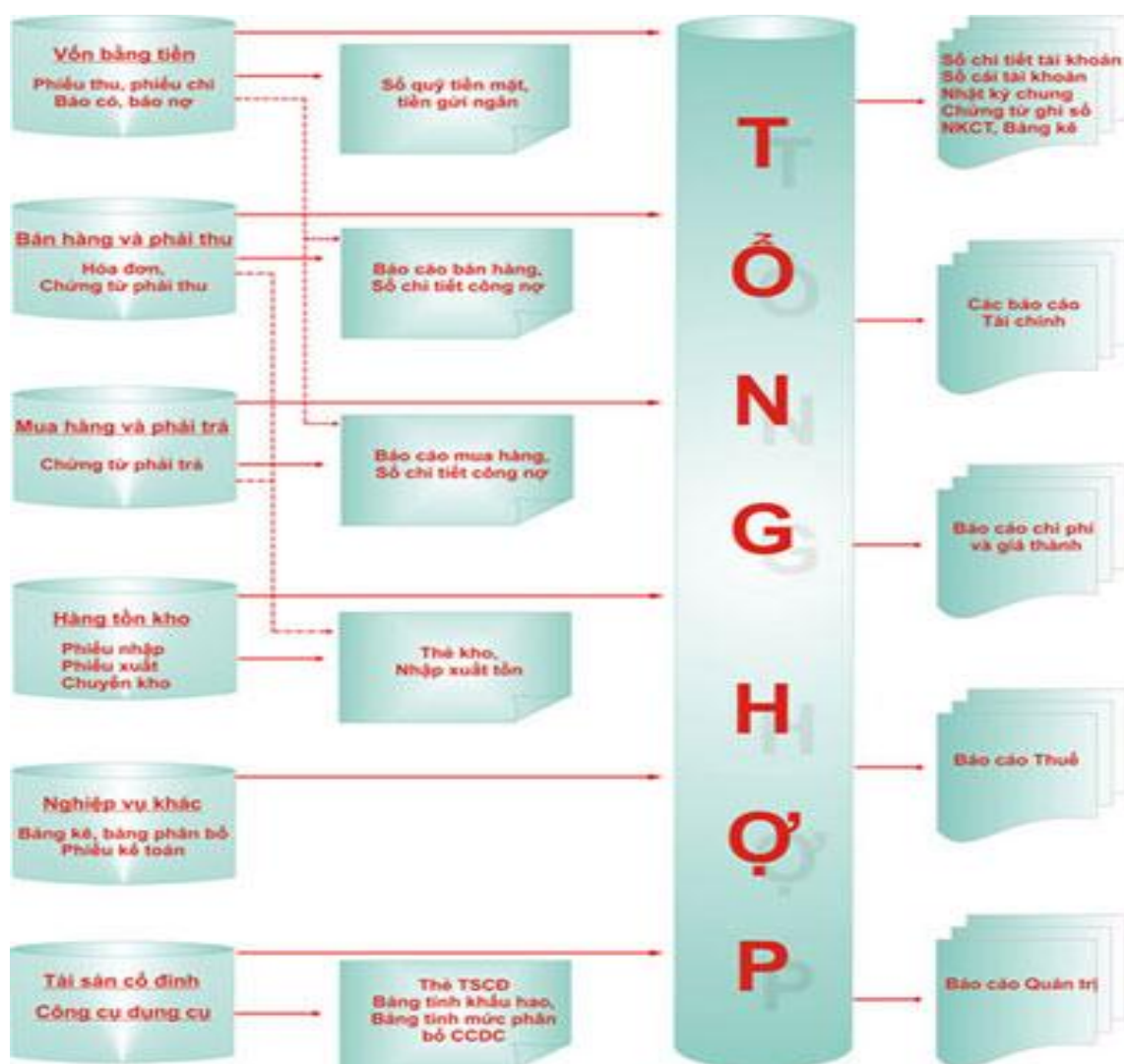
Fast Business bao gồm Fast Financial: Bộ chương trình về quản lý tài chính kế toán; Fast Distribution: bộ chương trình về mua bán hàng, quản lý hàng tồn kho; Fast Manufacturing: bộ chương trình về quản lý sản xuất, lập kế hoạch nguyên vật liệu; Fast HRM: quản lý nhân sự, lương; Fast CRM: bộ chương trình về quản lý khách hàng.

Với nhiều chương trình như vậy, Fast Business trở là phần mềm có nhiều tính năng nhất, đáp ứng yêu cầu kế toán phức tạp. Tuy nhiên, trong thời buổi khó khăn hiện nay, doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư ứng dụng ERP vì thế việc tiêu thụ phần mềm này ít nhiều bị ảnh hưởng.

Phần mềm Fast Accounting S: Đây là phần mềm kết hợp giữa Fast Accounting và Fast Business. Phần mềm được dự báo sẽ bán chạy trong thời gian tới do tính năng đầy đủ, lại sử dụng kỹ thuật và công nghệ cao từ Fast Business. Đặc biệt, giá thành của Fast Accounting S lại không chênh lệch bao nhiêu so với giá phần mềm Fast Accounting (khoảng 1000 USD cho máy chủ, 200 USD mỗi máy trạm).

Phần mềm kế toán Fast Accounting For Construction 10.2: Phần mềm kế toán Fast Accounting For Construction bao gồm 14 phân hệ nghiệp vụ, cho phép người sử dụng đưa giá dự toán và chương trình để kiểm toán chi phí. Giúp kế toán tập hợp chi phí theo dự toán công trình, yêu cầu bắt buộc với ngành xây dựng

là có dự toán được duyệt và phân tập hợp chi phí cho công trình phù hợp với dự toán.



Phần mềm hỗ trợ đưa giá thành kế hoạch từ file Excel vào chương trình. Chương trình hỗ trợ phần cập nhật dự toán từ Excel bằng cách tạo một bảng Excel sẵn từ chương trình người sử dụng chỉ việc cắt dán đưa vào phần mềm.

Khi dự toán thay đổi, kế toán có thể cập nhật dự toán mới vào chương trình, đồng thời chương trình vẫn cho lưu phần dự toán cũ trong chương trình để kiểm tra khi cần thiết.

Phần mềm Fast Accounting for Construction có những phân hệ sau:

- + Kế toán tổng hợp

- + Kế toán vốn bằng tiền
- + Kế toán mua hàng và công nợ phải trả
- + Kế toán bán hàng và công nợ phải thu
- + Kế toán hàng tồn kho
- + Kế toán chi phí, giá thành vụ việc công trình xây dựng
- + Kế toán tài sản cố định
- + Kế toán công cụ dụng cụ
- + Báo cáo thuế
- + Báo cáo quản trị

Khi triển khai phần mềm mới Fast Accounting for Construction cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng, giải pháp chuyên ngành này sẽ phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp, giảm thiểu những sửa đổi về chương trình, giảm thiểu thời gian triển khai, nhanh chóng đưa hệ thống vào vận hành, sớm mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Phần mềm Fast Book: ra đời cuối năm 2007. Phần mềm này có 11 phân hệ như quản trị hệ thống, kế toán tổng hợp... Fast Book được thiết kế đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn theo chuẩn mực của Bộ Tài Chính nhằm phục vụ cho doanh nghiệp mới khởi nghiệp, doanh nghiệp quy mô nhỏ.

Như vậy, FAST đã tạo ra nhiều dòng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Tính đến nay, đã hơn 2500 doanh nghiệp là khách hàng của FAST.

Phần mềm kế toán MISA-SME.NET 2012:

Phần mềm kế toán doanh nghiệp MISA-SME được đánh giá là một trong những giải pháp Công nghệ thông tin hay nhất, và được coi là một giải pháp kế toán cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với ưu điểm:

- + Đơn giản, dễ sử dụng, tiết kiệm chi phí đầu tư.
- + Bảo hành, bảo trì nhanh chóng, kịp thời.
- + Hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hoá đơn theo nghị định 51/2010/NĐ-CP.
- + Hình ảnh giao diện thân thiện.



Phần mềm kế toán MISA-SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, mỗi phân hệ trong chương trình tương ứng với một phần hành kế toán tại doanh nghiệp như: Mua hàng, bán hàng, quản lý kho... được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp cho doanh nghiệp làm chủ hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở mọi thời điểm thông qua Internet. Cụ thể: Phân hệ quỹ, Phân hệ ngân hàng, Phân hệ mua hàng, Phân hệ kho, Phân hệ tài sản cố định, Phân hệ tiền lương, Phân hệ giá thành, Phân hệ thuế, Phân hệ hợp đồng, Phân hệ cổ đông, Phân hệ ngân sách, Phân hệ tổng hợp.

Giá báo: 9.950.000đồng.

Là một doanh nghiệp kinh doanh xây lắp, Xí nghiệp xây dựng Hạ Long nên áp dụng phần mềm kế toán Fast Accounting For Construction trong công tác kế toán trong thời gian tới để đạt được hiệu quả cao hơn bởi những lý do sau:

- + Đơn giản, dễ sử dụng.
- + Có tính năng đa tác vụ, tự động hoá xử lý số liệu, tiện ích nhập liệu, hỗ trợ tốc độ lập báo cáo.
- + Liên tục cập nhật dữ liệu mới vào trương trình sử dụng.
- + Hình ảnh giao diện thân thiện.....

Với sự lựa chọn này, chắc chắn Xí nghiệp xây dựng Hạ Long sẽ đạt được những kết quả tốt hơn nữa trong quá trình sản xuất kinh doanh của mình trong thời gian tới.

3.2.2. Giải pháp 2: Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ định kỳ:

– Việc kiểm kê quỹ của Xí nghiệp được tiến hành định kỳ vào cuối quý, cuối năm, do đó, muốn kiểm tra đột xuất thì Xí nghiệp không có số liệu để đối chiếu, kiểm tra kịp thời. Vì vậy Xí nghiệp nên tiến hành kiểm kê vào cuối mỗi tháng hoặc

định kỳ khi cần thiết có thể kiểm tra và khi bàn giao quỹ, biên bản kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê.

– Bản kiểm kê quỹ được lập thành 02 bản: Một bản lưu ở thủ quỹ, một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.

– Ưu điểm: Giúp cho nhà quản lý nắm được số tồn quỹ thực tế, số thừa thiếu so với sổ quỹ để có biện pháp tốt hơn trong việc tăng cường quản lý quỹ, làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

Bảng kiểm kê quỹ được lập theo mẫu sau:

Đơn vị:.....

Mẫu số: S08 - DN

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vàogiờ ...ngày ...tháng ...năm ...

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:Đại diện kế toán

Ông/Bà:Đại diện thủ quỹ

Ông/Bà:Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	x
II	Số kiểm kê thực tế	x
1	Trong đó:		
2	- Loại
3	- Loại
4	- Loại
5	-
III	Chênh lệch (III = I – II)	x

- Lý do: + Thừa:

+ Thiếu:.....

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

3.2.3. Giải pháp 3: Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ:

Hiện nay, theo quy định của Xí nghiệp, các chứng từ ban đầu là các hoá đơn GTGT do Phòng kinh doanh và các cửa hàng lập rồi chuyển lên phòng kế toán. Quy trình đó là không sai so với chế độ kế toán hiện hành, song trong quá trình luân chuyển dễ dẫn đến tình trạng mất mát chứng từ, do đó, Xí nghiệp nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng, các bộ phận và bắt buộc có chữ ký của các bên. Đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ Từ ngày...Đến ngày....						
Ngày, tháng giao nhận	Số hiệu chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Loại chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
					Bên giao	Bên nhận
1	2		3	4	5	6

3.2.4. Giải pháp 4: Hoàn thiện việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi:

Hiện nay, các khoản phải thu của khách hàng tại Xí nghiệp là rất lớn, điều này đã gián tiếp gây khó khăn cho Xí nghiệp trong trường hợp cần cấp vốn gấp. Vì vậy, ngoài việc khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, Xí nghiệp cần lập hồ sơ chi tiết cho từng khoản nợ, từng đối tượng khách hàng, hàng tháng báo cáo lên ban Giám đốc và tiến hành trích lập khoản dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi.

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

Theo thông tư 228/2009/TT -BTC ban hành ngày 07/12/2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi theo phương pháp xác định mức dự phòng cần lập:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng trích lập
6 tháng \leq T < 1 năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm < T < 2 năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm < T < 3 năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
> 3 năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

– Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập năm nay lớn hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước chưa được sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần trích lập thêm được hạch toán:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý Doanh nghiệp

Có TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

– Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước chưa được sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập quỹ và ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: Chi phí quản lý Doanh nghiệp

– Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ (Việc xoá nợ này phải đúng với chế độ kế toán hiện hành) căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642: Chi phí quản lý Doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131: Phải thu khách hàng

Hoặc Có TK 138: Phải thu khác.

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 (Nợ khó đòi đã xử lý) để theo dõi thu hồi khi khách hàng nợ có điều kiện trả nợ.

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

– Đối với các khoản phải thu khó đòi đã được xử lý nợ nếu sau đó thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112: Số tiền khách trả nợ

Có TK 711: Thu nhập khác.

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý.

Ví dụ:

Hiện nay, xí nghiệp còn có các khách hàng nợ, thể hiện trên bảng kê trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Bảng kê trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tính đến 31/12/2011:

Tên khách hàng	Thời gian quá hạn thanh toán	Số tiền nợ	Mức trích lập dự phòng
Công ty TNHH MTV 397	9 tháng 3 ngày	34 235 000	10 270 500
Công ty TNHH Đông Lý	8 tháng 20 ngày	543 374 000	163 012 200
Công ty TNHH Hồng Phúc	14 tháng 8 ngày	214 598 000	107 299 000
Tổng:		792 207 000	280 581 700

Cuối kỳ kế toán Xí nghiệp căn cứ các khoản nợ phải thu của Công ty TNHH Đông Lý, Hồng Phúc và MTV 397, được xác định là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập. Kế toán tiến hành trích lập dự phòng lần đầu như sau:

Nợ TK 642: 280.581.700

Có TK 139: 280.581.700

Sau khi lập dự phòng cho khoản nợ phải thu khó đòi, kế toán tổng hợp khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp và ghi chép vào các sổ sách liên quan.

3.2.5. Giải pháp 5: Một số giải pháp khác:

Bên cạnh những biện pháp trên nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán Vốn bằng tiền, Xí nghiệp cần quan tâm hơn nữa tới việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho nhân viên kế toán đáp ứng chất lượng quản lý và công tác kế toán là cao nhất. Ngoài ra, em cũng xin đưa ra một số ý kiến đóng góp về quản lý cũng như tổ chức hay phương thức hạch toán tại Xí nghiệp như sau:

- Việc đầu tư, đổi mới máy móc thiết bị hiện đại: Là giải pháp tối ưu đối với các doanh nghiệp trong việc thu hút khách hàng trong khu vực và các tỉnh lân cận. Chính điều đó cũng làm tăng lợi nhuận cho Xí nghiệp nếu tính toán một cách hợp lý, khai thác triệt để, hiệu quả máy móc hiện có.

- Thường xuyên củng cố bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp sao cho gọn nhẹ mà vẫn hoạt động có hiệu quả cao nhất. Quản lý, điều hành cần có độ tập trung cao, các quyết định đưa ra phải có sự thống nhất thực hiện từ trên xuống dưới, các vướng mắc phải được xử lý một cách kịp thời.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường: Xí nghiệp cần quan tâm xây dựng bộ máy làm công tác thị trường sao cho mạnh mẽ về chuyên môn, hiệu quả, cụ thể trong hoạt động. Đồng thời thiết lập được các mối quan hệ với các cơ quan hữu quan, các tổ chức thương mại nhằm tranh thủ giúp đỡ về thông tin, về biện pháp xúc tiến thương mại. Từ đó tạo điều kiện để Xí nghiệp có thể thu hút được những hợp đồng lớn, có giá trị cao, lâu dài, khách hàng có tiềm lực minh tế, có khả năng thanh toán tốt nhất.

- Trong điều kiện nào đó, Xí nghiệp có thể chiếm dụng vốn một cách hợp lý, hợp pháp, có hiệu quả đối với các nhà cung cấp bằng cách chiết khấu nợ không phải thanh toán ngay. Muốn làm như vậy, Xí nghiệp cần tạo uy tín, có mối quan hệ thường xuyên đối với các bạn hàng và tạo điều kiện thanh toán nợ đúng hạn cho phép.

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long

Nhìn chung với hình thức kế toán “Nhật ký chứng từ” và những phương hướng hoàn thiện công tác vốn bằng tiền nói riêng mà em mạnh dạn nêu ra, công tác kế toán được coi là gọn nhẹ, dễ hiểu nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả và chất lượng. Với phương pháp làm việc và tiếp cận với các phương tiện hiện đại, sử dụng phần mềm kế toán sẽ giúp công tác kế toán đạt hiệu quả cao hơn.

KẾT LUẬN

Kế toán vốn bằng tiền là công tác quan trọng không thể thiếu trong mỗi Công ty, các doanh nghiệp cũng như trong các cơ quan hành chính nhà nước. Một doanh nghiệp muốn tồn tại và khẳng định vị thế của mình trong nền kinh tế thị trường thì không thể coi nhẹ công tác “Kế toán vốn bằng tiền”, có được phương thức tổ chức kế toán tốt vốn bằng tiền giúp doanh nghiệp quản lý được đồng vốn bỏ ra hạn chế tối đa thất thoát và sử dụng đồng vốn một cách tiết kiệm có hiệu quả nhất. Cũng xuất phát từ chính tầm quan trọng của “Kế toán vốn bằng tiền” em đã đi sâu vào tìm hiểu và thực hiện đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền” và đã hoàn thành khoá luận tốt nghiệp này.

Thời gian thực tập tại Xí nghiệp xây dựng Hạ Long, được tiếp xúc trực tiếp với môi trường làm việc của Xí nghiệp, bước đầu em đã định hình được công việc cụ thể của một nhân viên kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ mà Xí nghiệp đang sử dụng, em đã biết được cách ghi sổ sách chứng từ kế toán trong thực tế. Đó là hành trang quý giá, là tiền đề cho công việc trong tương lai.

Em xin chân thành cảm ơn sự quan tâm chỉ bảo tận tình của cô giáo Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh, cảm ơn ban lãnh đạo công ty, đặc biệt là các cán bộ trong phòng tài chính kế toán của Xí nghiệp cùng toàn thể các thầy cô trong Khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã giúp đỡ em hoàn thành bài khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!